UBND XÃ DIỄN CHÂU
TRƯỜNG MẦM NON DIỄN CHÂU 1

Phụ lục 1

DỰ KIẾN KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ CÁC ĐỘ TUỔI NĂM HỌC 2026 - 2027

(Thực hiện từ ngày 07/9/2025 đến 21/05/2026)

(Kèm theo Kế hoạch số 74 /KH-MNC1T ngày 05 tháng 9 năm 2026 của trường Mầm non Diễn Châu 1)

DỰ KIẾN KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRẺ 24 - 36 THÁNG TUỔI - NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian thực hiện
1	Trường Mầm non - Bé vui đón tết Trung thu- Ngày vui 20/10 (7 tuần)	Trường mầm non thân yêu của bé!	1 Tuần	7/9 - 11/9/2026
		Lớp học của bé	1 Tuần	14/9 - 18/9/2026
		BéVui Đón Tết Trung Thu	1 Tuần	21/9 -25/9/2026
		Bé và các bạn ,	1 Tuần	28/9 - 02/10/2026
		Đồ chơi của bé	1 Tuần	05/10 - 9/10/2026
		Các cô bác trong trường mầm non	1 Tuần	12/10 - 1610/2026
		Ngày vui của bà, của mẹ 20/10	1 Tuần	19/ 10- 23/10/2026
2	Gia đình của bé - Ngày hội của cô giáo (5 tuần)	Người thân trong gia đình bé	1 Tuần	26/10 - 30/10/2026
		Đồ dùng để uống	1 Tuần	02/11 -06/11/2026
		Đồ dùng để ăn	1 Tuần	09/11 - 13/11/2026
		Vui ngày hội của cô giáo 20/11	1 Tuần	16/11 - 20/ 11/2026
		Đồ dùng để sinh hoạt	1 Tuần	23/11- 27/11/2026
3	Những con vật đáng yêu - Vui ngày tết chú bộ đội (6 tuần)	Con vật trong gia đình (Gia cầm)	1 Tuần	30/11- 04 12/2026
		Con vật trong gia đình (Gia súc)	1 Tuần	07/12 - 11/12/2026
		Bé yêu chú bộ đội	1 Tuần	14/12 - 18/12/2026
		Một số con vật sống dưới nước	1 Tuần	21/12 - 25/12/2026
		Một số con vật sống trong rừng	1 Tuần	28/12 - 01/1/2027

		Một số loại chim	1 Tuần	04/1 – 08/1/2027
4	**Tết mùa xuân và những bông hoa đẹp (7 tuần)**	Một số loại hoa	1 Tuần	11/1-15/1/2027
		Một số loại quả.		18 /1 – 22/ 1/2027
		Bé vui đón tết Nguyên đán	1 Tuần	25/1 - 29/1 /2027
		Một số loại rau ăn lá	1 Tuần	15/2 - 19/02/2027
		Một số loại rau ăn củ	1 Tuần	22/02 - 26/02/2027
		Ngày vui 8/3	1 Tuần	01/ 03 - 5/03/2027
		Một số loại rau ăn quả	1 Tuần	08/03 - 12/03/2027
6	**Bé có thể đi khắp nơi bằng phương tiện giao thông (5 tuần)**	PT và QĐGT đường bộ	1 Tuần	15 /03 -19 /03/2027
		Tín hiệu đèn giao thông	1 Tuần	22/ 03-26 /03/2027
		PT và QĐGT đường sắt	1 Tuần	29 /03 - 2/04/2027
		PT và QĐGT đường thủy	1 Tuần	5/ 4 –9 /4//20271
		PT và QĐGT đường hàng không	1 Tuần	12 4/– 16 /4 2027
7	**Mùa hè đến- Bé lên mẫu giáo và Mừng sinh nhật Bác (5 tuần)**	Thời tiết mùa hè	1 Tuần	19 /4 - 23/4 /2027
		Bé với trang phục mùa hè	1 Tuần	26 /4 – 30/04/2027
		Bé với mùa hè	1 Tuần	03/ 5 – 08 /05/2027
		Bác Hồ của em	1 Tuần	10/ 4 – 14 /5 2027
		Bé lên mẫu giáo	1 Tuần	17/5- 21/ 5 /2027
	Tổng		**35 tuần**	

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE
ĐỘ TUỔI: TRẺ 24-36 THÁNG
NĂM HỌC 2026-2027

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiên	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	***a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:*** - Số bữa ăn: Hai bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: Trẻ ăn cơm thường - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 600 - 651 Kcal. + Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu: Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kĩ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay… nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. Các món ăn của thực đơn không lặp lại	- Cán bộ quản lý Giáo viên, , nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	trong 2 tuần - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. ***b. Chăm sóc bữa ăn*** ** Trước khi ăn:* - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,... - Cô rửa tay, lau mặt, đeo yếm(Trẻ nhỏ hơn) cho trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ. - Cho trẻ đi vệ sinh nếu có nhu cầu. ** Trong khi ăn:* - Cô đưa cơm tới tận bàn cho trẻ, hỗ trợ trẻ xúc cơm ăn. - Cho trẻ xúc ăn chưa thạo ngồi riêng nhóm để cô tiện hỗ trợ chăm sóc. - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kĩ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Kiên trì tập cho trẻ quen dần với các loại thực phẩm chế biến ở trường, đặc biệt là đối với những trẻ mới đi học, trẻ bắt đầu chuyển chế độ ăn (từ cháo sang cơm...) - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ		

	chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ ** Sau khi ăn:* - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Đánh răng hoặc súc miệng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
2. Tổ chức giấc ngủ	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). **** Trước lúc cho trẻ ngủ:*** - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối; - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). **** Trong khi ngủ*** - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác **** Sau khi thức dậy*** - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngái ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngọt làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ	- Giáo viên chủ nhiệm (Bảo mẫu)	

	dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.		
3. Tổ chức vệ sinh	***a.Vệ sinh cô:*** - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm ***b. Vệ sinh cá nhân trẻ*** - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Thời điểm có nguy cơ dịch bệnh, mỗi ngày đều phải giặt khăn bằng nước nóng. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để giáo viên có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xẩy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; hướng dẫn trẻ súc miệng, giáo viên có thể pha nước muối thoảng để tại lớp cho trẻ súc miệng. - Quần áo, dày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyền truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. ***c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp*** ** Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:* - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ	Giáo viên và bảo vệ	

	chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, dễ cất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho. - Đối với đồ chơi dùng hàng ngày của trẻ nhà trẻ, rửa bằng nước sạch, phơi khô hoặc sát khuẩn hằng ngày; hàng tuần rửa bằng xà phòng diệt khuẩn, phơi khô. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bô đi vệ sinh của trẻ hằng ngày cọ rửa bằng xà phòng, úp khô, phơi nắng. Cuối ngày ngâm bô bằng dung dịch sát khuẩn. Lưu ý: Bô phải rửa ngay sau mỗi lần trẻ đi vệ sinh. + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kĩ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kĩ năng vệ sinh). + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ (trẻ mẫu giáo). ** Xử lý rác và nước thải trong nhà trường*		

	- Phải có thùng rác tại các lớp, thùng rác phải đảm báo có nắp đậy: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khăn ố màu phải kiểm tra và xử lý ngồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	***a. Chăm sóc sức khỏe*** ** Khám sức khỏe* - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Nhà trưởng tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe ** Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.* - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao 3 tháng 1 lần (vào tháng 9, 12/2023 và tháng 3/2024); - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ. ***b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:*** - Phối hợp với trung tâm y tế tuyền truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xẩy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (đau mắt đỏ, sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu…) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường.	- Cán bộ quản lý - Giáo viên phụ trách nhóm/ lớp - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Phụ huynh	

	c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viên đg hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, Cồn iốt loãng 2,5%). + Thuốc hạ sốt. + OERSOL. + Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị mệt phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. ***d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp*** - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý phòng chống dịch bệnh theo mùa cho học sinh. - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
5. Chăm sóc trẻ khuyết tật *(nếu có)*	- Để đảm bảo quyền lợi và chế độ chính sách cho trẻ thì nhà trường phải tuyên truyền hướng dẫn cho gia đình làm HS cho trẻ để trẻ được quan tâm, chăm sóc để phát triển những khiếm khuyết của cơ thể trẻ. - Đối với những nhóm lớp có trẻ khuyết tật, giáo	CBQL, giáo viên, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương và cộng	

	viên phải nắm rõ mức độ khuyết tật của trẻ; tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ + Sự phát triển về thể chất + Khả năng ngôn ngữ và giao tiếp + Khả năng nhận thức + Quan hệ xã hội + Môi trường phát triển của trẻ - Xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả đặc biệt là làm tốt công tác tuyên truyền phối hợp với gia đình, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương để thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc GD trẻ hòa nhập.	đồng	

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TRẺ 24-36 THÁNG TUỔI
Năm học 2026- 2027

Mục tiêu	Nội dung
1. Lĩnh vực giáo dục phát triển thể chất	
a. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi Trẻ trai: Cân nặng: 11,3kg - 18,3kg Chiều cao: 88,7 - 103,5 cm Trẻ gái: Cân nặng: 10,8 - 18,1kg Chiều cao: 87,4 - 102,7cm	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Cân đo theo dõi sức khỏe trẻ qua biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm. - Kiểm tra sức khỏe đầu năm và khám chuyên khoa 01 lần/năm. - Nhận biết trẻ béo phì và suy dinh dưỡng. Tìm ra nguyên nhân của béo phì và suy dinh dưỡng. - Tập các bài tập thể dục thường xuyên - Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ.
2. Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tên một số món ăn hàng ngày như: cơm, cháo, canh… - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. ***- KNS: Một số hành vi văn minh trong ăn uống***
3. Trẻ được ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc buổi trưa.
4. Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định.
5. Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Lấy nước uống, đi vệ sinh...).	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm ăn, uống nước. - Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - ***KNS: Bé học cách ngồi bô khi đi vệ sinh***

	- ***KNS: Bé học cách đi dép đúng bên*** - ***KNS: Bé học cách tự lau mặt*** - ***KNS: Bé học cách tự rửa tay*** - ***KNS: Cất đồ chơi, đồ dùng đúng quy định***
6. Trẻ chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt; mặc quần áo ấm khi trời lạnh... - **GDKNS**: Bé tập đi tất, đi dày Tập mặc, cởi quần, áo
7. Trẻ tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (Bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - **GDKNS**: Tránh xa một số vật dụng nguy hiểm - ***KNS: Một số vật dung nguy hiểm (dao, kéo, nồi nước nóng, phích nước, bàn lá, ổ cắm điện..)*** - ***KNS: Bé học cách ăn một số loại quả có hạt*** =KNS : Không đi theo người lạ
	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. (Leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở. - **GDKNS**: Tránh xa một số hành động nguy hiểm ***- KNS: Bé học cách ăn các loại quả có hạt, bánh kẹo dễ hóc***
b. Phát triển vận động	
9. Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
10. Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.	**Tập đi, chạy:** - Đi theo hiệu lệnh (đi bước đều một- hai) - Đi trong đường hẹp - Đi có mang vật trên tay. - Đi trong đường hẹp- có mang vật trên tay. - Đi bước qua gậy kê cao - Đi theo đường ngoằn nghèo

	- Đi bước vào các ô - Đi kết hợp với chạy - Bước lên xuống bậc cao 15 cm - Chạy theo hướng thẳng - Chạy đổi hướng. - Đứng co 1 chân.
11. Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Tung - bắt, ném bóng	**Tập tung, ném, bắt:** - Tung - bắt bóng cùng cô - Tung bóng bằng hai tay - Tung bóng qua dây (lưới) - Tung bóng lên cao - Ném bóng vào đích nằm ngang - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay - Ném bóng qua dây - Ném bóng về phía trước
12. Trẻ phối hợp tay, chân, cơ thể và các giác quan trong khi bò, trườn, chui	**Tập bò, trườn:** - Bò thẳng hướng. - Bò theo đường hẹp. - Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng. - Bò chui qua cổng. - Bò qua vật cản - Bò theo đường ngoằn nghoèo - Trườn về phía trước - Trườn qua vật cản - Trườn chui qua cổng
13. Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động nhún – bật: Bật xa về phía trước	**Tập nhún- bật:** - Bật tại chỗ - Bật về phía trước - Bật qua vạch kẻ - Bật vào các vòng - Bật xa bằng 2 chân
14. Trẻ thực hiện vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay, thực hiện "múa khéo".	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò, xé…
15. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: Nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ;	- Nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ. - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6 - 8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách...

2. Lĩnh vực giáo dục phát triển nhận thức	
16. Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi...đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (Nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (Ngọt - mặn - chua).
17. . Trẻ biết tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc ...	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm, lớp. **NBTN**: + Đồ chơi bé thích: Quả bóng, búp bê, xít đu, cầu trượt… + Đồ dùng của bé: Cái quần, cái áo, cái váy, đôi dày, đôi dép, cái mũ… + Bánh Trung thu, đèn ông sao + Đồ dùng của lớp bé: Đất nặn, sáp màu, cái vòng, cái gậy... **Trò chuyện sáng theo PP Unis** + Đồ dùng để ăn: Cái bát, cái đĩa, cái thìa … + Đồ dùng để uống: Cái ấm, cái chén, cái cốc.. + Một số đồ dùng của lớp mẫu giáo: Quyển sách, cái bút...
18. Trẻ nói được (Tên, tuổi). của bản thân và tên những người gần gũi khi được hỏi.	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân - Tên và công việc của những thân gần gũi trong gia đình - Tên cô giáo, các bạn, nhóm/lớp **NBTN**: + Bé và các bạn: Tên bé, tên các bạn… + Bé và những người thân: Bố, mẹ, ông, bà, anh, chị, em... **Trò chuyện sáng theo PP Unis** + Lớp học của bé: Bạn trai, bạn gái, tên nhóm/lớp + Cô giáo của bé + Ngày vui của bà, của mẹ 20/10 + Ngày hội của cô giáo 20/11 + Bé vui ngày hội 08/3 + Vui ngày tết chú bộ đội. + Mừng sinh nhật Bác Hồ

19. Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân… **NBTN**: - Một số bộ phận trên cơ thể bé: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân… - Khuôn mặt dễ thương…
20. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả, đồ vật quen thuộc. *** NBTN**: - Động vật nuôi trong gia đình: Con gà, con vịt; con ngan, con ngỗng; con chó, con mèo; con lợn, con trâu, con bò... - Động vật sống dưới nước: Con cá, con tôm, con cua, con ốc… - Động vật sống trong rừng: Con khỉ, con hươu, con voi, con gấu, con sư tử, con hổ… **Trò chuyện sáng theo PP Unis**- Động vật sống dưới nước: Con cá, con tôm, con cua, con ốc… - Động vật sống trong rừng - Động vật nuôi trong gia đình **Trò chuyện sáng theo PP Uni** - Một số loại rau: + Rau muống, rau cải, bắp cải, rau dền… + Su hào, cà rốt, khoai tây, khoai lang + Quả bí đỏ, quả bí xanh… - Những bông hoa đẹp: Hoa hồng, hoa cúc, hoa đào, hoa mai, hoa lay ơn, hoa đồng tiền… - Bánh chưng, bánh tét. - Một số loại quả: Quả cam, quả bưởi, quả na, quả chuối, quả đu đủ, quả hồng xiêm… - Một số đồ vật: Cái giường, cái tủ, cái bàn, cái ghế, cái ti vi, cái tủ lạnh… - Thời tiết, trang phục mùa hè…
21. Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	Màu đỏ, vàng, xanh *** NBPB**: - Đồ chơi màu đỏ, màu xanh, màu vàng - Con gà, con vịt màu vàng - Cái bát, cái thìa (màu đỏ - màu xanh)… - Cái bát , cái đĩa (màu đỏ - màu xanh)… - Đồ dùng màu xanh, màu đỏ, màu vàng - Con gà, con vịt (màu xanh - màu vàng) - Hoa màu đỏ , hoa màu vàng - Quần áo màu xanh, màu đỏ(màu vàng)

	- Bóng màu đỏ, bóng màu vàng (màu xanh)… *** HĐVĐV**: Xâu vòng màu đỏ, màu xanh, màu vàng…
22. Trẻ nhận biết hình tròn, hình vuông	Chỉ, nói tên được hình tròn, hình vuông * **NBPB**: - Hình tròn, hình vuông
23. Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	Kích thước (To - nhỏ) * **NBPB**: - Bát, đĩa (to - nhỏ) - Bóng to - bóng nhỏ - Quả to - quả nhỏ - Cá to - cá nhỏ - Đồ chơi to - đồ chơi nhỏ - Lá to - lá nhỏ - Bày quả to, quả nhỏ ra đĩa…
24. Trẻ nhận biết một số phương tiện giao thông quen thuộc	Tên,đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi * **NBTN**: - Phương tiện giao thông đường bộ: Xe đạp, xe máy, xe ô tô, xe xích lô… - Phương tiện giao thông đường hàng không, đường sắt: Máy bay, tàu hỏa… - Phương tiện giao thông đường thủy: Thuyền buồm, tàu thủy, ca nô… **Trò chuyện sáng theo PP Uni** - Phương tiện giao thông đường bộ: Xe đạp, xe máy, xe ô tô, xe xích lô… - Phương tiện giao thông đường hàng không, đường sắt: Máy bay, tàu hỏa… - Phương tiện giao thông đường thủy: Thuyền buồm, tàu thủy, ca nô… * **NBPB**: - Xe 2 bánh, xe 4 bánh - Đèn xanh, đèn đỏ, đèn vàng
25. Trẻ xác định được số lượng, vị trí trong không gian	Vị trí trong không gian (Trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ * **NBPB**: - Phía trên, phía dưới của bản thân trẻ. - Phía trước, phía sau của bản thân trẻ. - Số lượng một - nhiều…
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
26. Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động. Ví dụ: "Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!"	Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.
27. Trẻ trả lời được các câu hỏi: "Ai	- Nghe các câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Để làm

đây?", "Cái gì đây?", "…làm gì?", "….thế nào?" (Ví dụ: Con gà gáy thế nào?" ...)	gì? Ở đâu? Như thế nào? - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì?, Làm gì?, Ở đâu? Thế nào?, Để làm gì?, Tại sao?...
28. Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật	Nghe truyện ngắn; kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý **Chủ đề: Trường mầm non - Bé vui Tết Trung thu –Ngày vui 20/10** - Đôi bạn nhỏ - Sự tích Tết Trung thu, - Giờ ăn của bé… **Chủ đề: Gia đình của bé - Ngày hội của cô giáo 20/11** - Thỏ con không vâng lời - . Cả nhà ăn dưa hấu = Bé Mai ở nhà Bé mai đi học … - Gà út đi kiếm mồi - - Bài học đầu tiên của gấu con - - Cháu chào ông ạ **Chủ đề: Những con vật đáng yêu – Vui ngày tết chú bộ đội 22/12** Đuổi cáo . Quả trứng Mèo con nhút nhát . Bài học đầ tiên của gấu con… ,chú gấu con mgoan **Chủ đề: Tết và mùa xuân - những bông hoa đẹp** -Ngày tết của thỏ con ,Cây táo - Bé Mai đi chợ Tết **Chủ đề: Rau, củ, quả bé thích- Vui ngày hội 8/3** **- Gấu con trồng cây** - Thỏ con ăn gì Cô và các bạn xem hoa **Chủ đề: Bé có thể đi khắp nơi bằng phương tiện giao thông** -Câu chuyện chuyến xe ủi . -Chiếc ô tô của thỏ con -Chuyến du lịch của chú gà trống choai **Chủ đề: Mùa hè đến - Bé lên mẫu giáo- Ngày sinh nhật Bác 19/5** - Mẹ tắm cho bé - Một ngày bé đến trường.

	Bác hồ với các cháu thiếu nhi
29. Trẻ phát âm rõ tiếng; Nói to đủ để nghe, lễ phép	- Phát âm các âm khác nhau - Nói rõ các tiếng ***- KNS: Dạy bé cách chào hỏi lễ, phép (luôn có từ ạ, vâng ạ, dạ...ở cuối câu)***
30. Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Nghe các bài thơ, đông dao, ca dao, hò vè, câu đố - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng **Chủ đề: Trường mầm non - Bé vui đón tết Trung thu – Ngày vui 20/10** - Bạn mới -Chia đồ chơi - Đến lớp Ngày vui 8/3 Cửa sổ riêng của bé… - Trung thu của bé .. - -Bé đi nhà trẻ - - Khăn nhỏ **Chủ đề: Gia đình của bé - Ngày hội của cô giáo 20/11** Nụ cười của bé . Mẹ và con - Yêu mẹ - Mẹ và cô -Bà và cháu - Bóng mây - Dậy sớm **Chủ đề: Những con vật đáng yêu – Vui ngày tết chú bộ đội 22.12** Con cá vàng Đàn bò Chú bộ đội . Con voi Đàn Lợn con - Con Kiến - Chim sâu **Chủ đề: Tết và mùa xuân - những bông hoa đẹp** - Tết là bạn nhỏ - - Mưa xuân - - Rừng - - Hoa nở - Đi chợ tết

	-- Cây đào. Hoa nở **Chủ đề: Rau, củ, quả bé thích – Ngày vui 8/3** -Bắp cải xanh Chăm rau (Sưu tầm). Hoa kết trái (Thu Hà). Cây bắp cải (Phạm Hổ). Quả thị (Thanh Thảo). Củ cà rốt. Chuối… Dán hoa tặng mẹ (Hoàng Long). Cây dây leo (Xuân Tửu). … **Chủ đề: Bé có thể đi khắp nơi bằng phương tiện giao thông** -Xe đạp - Con tàu - Tiếng còi tàu . Đèn xanh, đèn đỏ - Đi chơi phố. - Chiếc máy bay . Xe chữa cháy… Cô giáo em. Quà 08.3… **Chủ đề: Mùa hè - Bé lên mẫu giáo- Ngày sinh nhật Bác 19/5** - Bàn tay cô giáo - Mẹ và cô - Chim cuốc - Cầu vồng - Cầu vồng (… - Bé lên mẫu giáo . Bác Hồ của em . Khăn nhỏ. - Bé tập nói.… *** Ca dao, đồng dao** - Chi chi chành chành. - Nu na nu nống. - Dung dăng dung dẻ. - Đi cầu đi quán. - Kéo cưa lừa xẻ. - Lộn cầu vồng.
31. Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài.
32. Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau.	Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Chào hỏi, trò chuyện.

	- Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: Con gì đây? Cái gì đây?…
33. Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.	Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
34. Trẻ làm quen với sách	- Lắng nghe người lớn đọc sách - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh
4. Lĩnh vực giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ	
35. Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.
36. Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.
37.Trẻ nhận biết và biểu lộ được trạng thái cảm xúc vui, buồn, tức giận, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, tức giận, sợ hãi.
38. Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các vật nuôi
39. Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ "Dạ", "Vâng ạ"; chơi cạnh bạn, không đánh bạn… - ***KNS: Bé học cách chào và tạm biệt*** - ***KNS: Bé nói lời cảm ơn, xin lỗi***
40. Trẻ thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (Trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi
41. Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
42. Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của người lớn. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.
43. Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc. Trẻ thích nghe hát, nghe nhạc, thích nghe hát các làn điệu dân ca Nghệ Tĩnh; bước đầu biết sử dụng	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ - ***Nghe các làn điệu dân ca ví dặm của Nghệ Tĩnh*** - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc

một số nhạc cụ đơn giản.	***- Các nội dung trong chương trình "cảm thụ âm nhạc": Chơi với nhạc cụ, lắc trống/lúc lắc theo nhạc….*** - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc **Chủ đề: Trường Mầm non - Bé vui Tết trung thu- Ngày vui 8/3** + Hát, vận động: - Qủa bóng - Cô và mẹ. - Lời chào buổi sáng . - Em búp bê . - Đi nhà trẻ. - Đi học về - Rước đèn… - - Chúng ta cùng tập thể dục - Em ngoan hơn búp bê + Nghe hát: Trường chúng cháu là trường mầm non. Em đi mẫu giáo. Em yêu cô giáo. Chim mẹ chim con; Đồ dùng bé yêu; Đồ chơi của bé. Dọn đồ chơi. Đu quay, gác trăng... **Chủ đề: Gia đình của bé - Ngày hội của cô giáo 20/11** + Hát, vận động: -Hoa bé ngoan. -Hoa tặng mẹ - Đôi dép. -Chiếc khăn tay -Mẹ yêu không nào =Biết vâng lời mẹ - Cháu yêu bà . Đi ngủ. -Xòe bàn tay… + Nghe hát: - Thật đáng chê - Cả nhà đều yêu . - Cả nhà thương nhau. - Em yêu cô giáo - Biết vâng lời mẹ - Bé quét nhà. - Ru em. - Cho con. - Tổ ấm… -Ba ngọn nế lung linh - Em là bông hồng nhỏ - Khúc hát ru của người mẹ trẻ

	Chủ đề: Những con vật đáng yêu – Vui ngày tết chú bộ đội 22/12 + Hát, vận động: - Con gà trống - Ếch ộp -Ai cũng yêu chú mèo . Là con mèo - Một con vịt; - Con cò cánh trắng. - Đi một hai - Con chim non - Chú voi con - - Chú gà trống gọi + Nghe hát: - Đàn gà con - Chim chích bông - Trời nắng trời mưa - Bắc kim thang - Rửa mặt như mèo - Cá vàng bơi. - Con chim vành khuyên. - Voi làm xiếc. - Cò lả. - Gà trống mèo con và cún con - Gà gáy le te. - Cháu thương chú bộ đội… **Chủ đề: Tết và mùa xuân - những bông hoa đẹp** + Hát, vận động: - Bé chúc tết, - Mùa xuân đến rồi - Sắp đến tết rồi + Nghe hát: - Chúc xuân. - Ngày tết quê em, - Mùa xuân ơi. - Em thêm một tuổi… - Màu hoa. - Lý cây bông - Hoa trong vườn **Chủ đề: Rau, củ, quả bé thích– Vui ngày hội 8/3** + Hát, vận động: - Cây bắp cải - Qủa

	+ Nghe hát: - Hoa kết trái. -Vườn cây của ba - Bầu và bí - Quà 08/3. - Hoa bé ngoan. + Nghe hát: - Như những cánh hoa - Lý cây xanh - Lý cây đa - Ra vườn hoa - Nhớ lời cô dặn. - Bạn ơi có biết… -Ngày vui 08/3. - Hoa trường em… **Chủ đề: Bé có thể đi khắp nơi bằng phương tiện giao thông** + Hát, vận động: - Em tập lái máy bay - Lái ô tô -Em tập lái ô tô - Đèn xanh, đèn đỏ - Đoàn tàu nhỏ xíu... + Nghe hát: - Tàu hỏa - Em đi chơi thuyền - Em đi qua ngã tư đường phố - Anh phi công ơi **Chủ đề: Mùa hè - Bé lên mẫu giáo- Ngày sinh nhật Bác 19/5** + Hát, vận động: - Mùa hè đến - Đếm sao. - Nắng sớm - Em mơ gặp Bác Hồ - Em đi mẫu giáo + Nghe hát: - Cháu vẽ ông mặt trời. - Hè đến… - Nhớ ơn Bác. - Bé đi mẫu giáo. - Ai yêu nhi đồng - Cùng múa vui… - Từ rừng xanh về thăm lăng bác
44. Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé,	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé,

dán, xếp hình, xem tranh (Cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	vò, xếp hình **Chủ đề: Trường mầm non - Bé vui Tết Trung thu –Ngày vui 20/10** * **HĐVĐV**: - Xếp đường đi đến trường - Tháo lắp vòng - Lồng hộp * **Tạo hình** - Tô màu quả bóng - Tô màu chiếc yếm -Tô màu trống lắc -Tô màu lật đậy **Chủ đề: Gia đình của bé - Ngày hội của cô giáo 20/11** * **HĐVĐV**: - Xếp nhà cho bé * **Tạo hình**: Tô màu cái cốc - Tô màu cái xô - Tô màu đường về nhà - Tô màu chiếc áo của mẹ **Chủ đề:Những con vật đáng yêu – Vui ngày tết chú bộ đội 22/12** * **HĐVĐV**: - Xếp chuồng cho các con vật nuôi * **Tạo hình**: - Tô màu con cá heo - Tô màu con vẹt - Nặn con giun. - Dán ô tô tặng chú bộ đội **Chủ đề: Tết và mùa xuân - những bông hoa đẹp** * **Tạo hình**: - Tô màu bánh chưng - Vẽ mưa mùa xuân **Chủ đề : Rau, củ, quả bé thích- Vui ngày hội 8/3** * **HĐVĐV**: - Bày quả ra đĩa * **Tạo hình**: - Tô màu quả táo - Tô màu củ cà rốt - Dán lá cho cành hoa. - Nặn cái lá **Chủ đề: Bé có thể đi khắp nơi bằng phương**

	tiện giao thông * **HĐVĐV**: - Xếp tàu hỏa * **Tạo hình**: - Tô màu ô tô - Tô màu mũ bảo hiểm. - Nặn bánh xe - Dán đèn tín hiệu giao thông **Chủ đề :Mùa hè - Bé lên mẫu giáo – Ngày sinh nhật Bác 19/5** * **Tạo hình**: - Tô màu chiếc ô - Vẽ các tia nắng - Nặn chiếc phao bơi. - Tô màu bánh ga tô

DỰ KIẾN VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ NĂM HỌC 2026-2027
Mẫu giáo 3-4 tuổi(Thời gian thực hiện 35 tuần)

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần thực hiện	Thời gian thực hiện
1	**Trường mầm non Diễn châu 1 - Bé vui đón Tết Trung thu (3 tuần)**	Trường Mầm non thân yêu của bé!	1 tuần	7/9 - 11/9/2026
		Bé và Các hoạt động trong trường mầm non	1 tuần	14/9 - 18/9/2026
		Bé vui đón Tết Trung Thu	1 tuần	21/9 - 25/9/2026
2	**Bản thân – Vui ngày hội 20/10 (4 tuần)**	Bé tự giới thiệu về mình	1 tuần	28/9 - 2/10/2026
		Cơ thể bé và bạn	1 tuần	5/10 - 9/10/2026
		Vui ngày hội 20/10	1 tuần	12/10 - 16/10/2026
		Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1 tuần	19/10- 23/10/2026
3	**Gia đình Của bé Ngày hội của cô giáo 20-11 (5 tuần)**	Ngôi nhà thân yêu của bé	1 tuần	26/10 - 30/10/2026
		Những người thân trong gia đình bé	1 tuần	02/11 - 06/11/2026
		Đồ dùng trong gia đình	1 tuần	09/11 - 13/11/2026
		Ngày hội của cô giáo 20/11	1 tuần	16/11 - 20/11/2026
		Ngày gia đình Việt Nam	1 tuần	23/11- 27/11/2026
4	**Những nghề bé thích - Vui ngày Tết chú bộ đội (4 tuần)**	Bé yêu bác nông dân	1 tuần	30/11- 04/12/2026
		Bé yêu cô chú công nhân	1 tuần	07/12 - 11/12/2026
		Vui ngày tết chú bộ đội 22/12	1 tuần	14/12 - 18/12/2026
		Bé tập làm bác sỹ	1 tuần	21/12 - 25/12/2026
5	**Thế giới động vật (4 tuần) -**	Một số động vật sống trong gia đình	1 tuần	28/12 - 01/01/2027
		Một số động vật sống dưới nước	1 tuần	04/1 – 08/01/2027
		Một số động vật sống trong rừng	1 tuần	11/01 – 15/01/2027
		Một số loại chim và côn trùng	1 tuần	18/01 - 22/01/2027

6	**Thế giới thực vật - Tết và 8/3 (5 tuần)**	Tết nguyên đán và Những bông hoa đẹp	1 tuần	25/01 - 29/01/2027
		Bé yêu cây xanh	1 tuần	15/2 – 19/02/2027
		Một số loại rau, củ	1 tuần	22/02- 26/02/2027
		Bé vui ngày hội 8/3	1 tuần	01/3- 05/03/2027
		Một số loại quả	1 tuần	08/03 - 12/03/2027
7	**Phương tiện và quy định giao thông (4 tuần)**	Phương tiện và quy định giao thông đường bộ	1 tuần	15/03 - 19/03/2027
		Thực hành phương tiện và quy định giao thông đường bộ	1 tuần	22/03 - 26/03/2027
		Phương tiện và quy định giao thông đường thủy	1 tuần	29/03 - 02/04/2027
		Phương tiện và quy định giao thông đường hàng không	1 tuần	05/04- 09/04/2027
8	**Nước và một số hiện tượng tự nhiên (3 tuần)**	Bé biết gì về nước	1 tuần	12/4 - 16/4/2027
		Một số hiện tượng tự nhiên	1 tuần	19/4 - 23/4/2027
		Mùa hè tuyệt vời	1 tuần	26/4 – 30/04/2027
9	**Quê hương – Đất nước - Bác Hồ kính yêu (3 tuần)**	Quê hương Diễn châu 1 thân yêu	1 tuần	03/05 - 08/05/2027
		Bác Hồ kính yêu	1 tuần	10/05 - 14/05/2027
		Thủ đô Hà Nội yêu dấu	1 tuần	17/05 - 21/5/2027
	Tổng		**35 tuần**	

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ ĐỘ TUỔI: 3 - 4 TUỔI

Nội dung	**Phương pháp hình thức thực hiện**	**Người thực hiện, người phối**	**Lưu ý/ điều chỉnh**

		hợp thực hiện	
1. Tổ chức bữa ăn	***a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:*** - Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: + Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%- 20% năng lượng khẩu phần. + Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần. + Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kĩ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay… nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. ***b. Chăm sóc bữa ăn*** ** Trước khi ăn:* - Tổ chức cho trẻ vệ sinh rửa tay lau mặt sạch sẽ. - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy	CBQL, Giáo viên, , nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	lau,...Cô khuyến khích động viên trẻ cùng kê bàn, trang trí bàn ăn cùng với cô. - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; ** Trong khi ăn:* - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kĩ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ ** Sau khi ăn:* - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Súc miệng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
2. Tổ chức giấc ngủ	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). **** Trước lúc cho trẻ ngủ:*** - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ.	- Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên nấu ăn	

	- Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối (phù hợp với tầng độ tuổi); - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). **** Trong khi ngủ*** - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xẩy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác **** Sau khi thức dậy*** - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngái ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngọt làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.		
3. Tổ chức vệ sinh	***a.Vệ sinh cô:*** - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm ***b. Vệ sinh cá nhân trẻ*** - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh.	Giáo viên và bảo vệ	

	- Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; hướng dẫn trẻ súc miệng, Giáo viên có thể pha nước muối thoảng để tại lớp cho trẻ súc miệng. - Quần áo, dày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyền truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. ***c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp*** ** Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:* - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để chất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bô đi vệ sinh của trẻ được cọ rửa bằng dung dịch sát khuẩn hằng ngày và được úp khô ráo. + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân.		

	+ Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kĩ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kĩ năng vệ sinh). + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ (trẻ mẫu giáo). ** Xử lý rác và nước thải trong nhà trường* - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khăn ố màu phải kiểm tra và xử lý ngồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	***a. Chăm sóc sức khỏe*** ** Khám sức khỏe* - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Nhà trưởng tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe ** Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.* - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao - Theo dõi cân nặng, chiều cao 3 tháng/lần (vào tháng 9, 12/2023 và tháng 3/2024); - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự	- CBQL - Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Phụ huynh	

	tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ. ***b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:*** - Phối hợp với trung tâm y tế tuyền truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xẩy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sở, thủy đậu…) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. ***c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm*** - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viên đg hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, Cồn iốt loãng 2,5%). + Thuốc hạ sốt. + OERSOL. + Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị mệt phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. ***d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp*** - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú		

	ý phòng chống dịch Covid- 19 - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TRẺ 3-4 TUỔI

Mục tiêu	Nội dung
1. Lĩnh vực phát triển thể chất	
a. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Trẻ trai: + Cân nặng: 12,7 - 21,2 kg + Chiều cao: 94,9cm - 111,7cm - Trẻ gái: + Cân nặng: 12,3 - 21,5 kg + Chiều cao: 94,1cm - 111,3cm.	- Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng - Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ - Tập các bài tập thể dục thường xuyên - Cân đo và khám sức khỏe định kỳ - Nhận biết trẻ béo phì và suy dinh dưỡng. Tìm ra nguyên nhân của béo phì và suy dinh dưỡng.
2. Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc - Thực hành chế biến một số món ăn đơn giản:pha nước cam, làm bánh…
3. Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, canh, rau…	
4. Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…). - Hướng dẫn trẻ ăn đa dạng các lợi thức ăn và

	tập thích nghi với các món ăn.
5. Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng - Tháo tất, cởi quần, áo…	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh *** GDKNS**: - Bé đi tất, đi dày - Tập mặc, cởi quần, áo
6. Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	- Tập sử dụng cầm thìa bằng tay phải, cầm bát bằng tay trái, cầm cốc ở quai đúng ký hiệu
7. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi…	- Tập các hành vi văn minh trong ăn, uống, sinh hoạt hàng ngày (Uống nước đã đun sôi, rót vừa lượng nước để uống, tự uống nước khi khát) - Ăn hết khẩu phần, không kén chọn thức ăn, không xúc thức ăn của mình sang bát của bạn, nhặt thức ăn rơi vãi và bỏ vào đĩa… - **KNS:** Một số hành vi văn minh trong ăn uống (ăn miếng vừa đủ, không ăn nhồm nhoàm; Không nói chuyện, nghịch phá khi ăn; Không làm rơi thức ăn vung vãi, nhặt thức ăn rôi bỏ đúng nơi quy định…)
8. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Nhận biết trang phục theo thời tiết *** GDKNS**: Trang phục theo thời tiết *** GDKNS**: Mũi sạch, miệng xinh - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm

9. Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	- Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở. ***GDKNS**: Tránh xa vật dụng nguy hiểm;
10. Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (Ao, hồ, bể chứa nước, giếng, hố vôi…) khi được nhắc nhở.	Tránh các nơi : Sông, ao, hồ, bể nước, giếng , hố vôi,công trình xây dựng, nhà máy… - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ *** GDKNS**: Tránh xa những nơi nguy hiểm *** GDKNS**: Cẩn thận với nước
11. Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	+ Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... + Không tự lấy thuốc uống. + Không leo trèo bàn ghế, lan can. + Không nghịch các vật sắc nhọn. + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp hoặc khi ở nhà. *** GDKNS**: Tránh xa một số hành động nguy hiểm… - Tránh xa, không đến gần một số động vật nguy hiểm.
b. Giáo dục phát triển vận động	
12. Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Bước lên phía trước; Bước sang ngang; Ngồi xổm, đứng lên; Bật tại chỗ + Co duỗi chân
13. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi	* Giữ thăng bằng cơ thể và kiểm soát được vận động: - Đi trong đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát

14. Trẻ kiểm soát được vận động: Đi, chạy	- Đi bước dồn ngang - Đi trên vạch kẻ thẳng - Đi kiễng gót liên tục 3m - Đi bằng gót chân - Đi bằng gót chân trong đường dích dắc - Đi/chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi/chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc - Chạy liên tục trong đường dích dắc 3 - 4 điểm - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng
15. Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Lăn, tung, đập, ném, chuyền	- Lăn bóng cho bạn - Lăn bóng vào lưới - Đập - bắt bóng (Tự đập, bắt bóng được 3 lần liền - Đường kính bóng 18 cm). - Tung bắt bóng với cô (Bắt được 3 lần liền không rơi bóng - Khoảng cách 2,5 m) - Tung bóng lên cao bằng 2 tay - Đập bắt bóng bằng 2 tay - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay - Ném trúng đích thẳng đứng - Ném trúng đích ngang (Xa 1,5m) - Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc - Chuyền bóng qua đầu - Chuyền bóng qua chân - Chơi các trò chơi vận động
16. Trẻ thực hiện được các vận động: Bò, trườn, trèo, bật - nhảy.	*** Bò, trườn, trèo**: - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m.

	- Bò dích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài1,5m x 30cm. *** Bật - nhảy:** - Bật tại chỗ - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40cm. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật tách chân khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao10 - 15cm. - Nhảy lò cò 3m.
17. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:	- Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài - Ném xa bằng 1 tay chạy về phía trước - Bật qua vạch kẻ ném xa bằng 1 tay
18. Trẻ thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay - Gập, đan ngón tay vào nhau	- Thực hiện, phối hợp cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.
19. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Vẽ; Cắt; Xé dán; Xếp chồng khối; Cài, cởi cúc,…	- Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc, đi tất, quàng khăn… - Xếp chồng các khối khác nhau; 8 - 10 khối không đổ - Sử dụng kéo bút; Tô, vẽ nguệch ngoạc. - Xé, dán giấy - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm.

	- Cài, cởi cúc; Đan, tết.
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức	
a. Khám phá khoa học	
20. Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như: Chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	*** Sự vật, đồ vật, con vật, cây cối** - Hiện tượng: + Hiện tượng nắng, mưa, nóng , lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ + Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm + Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày + Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây + Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày + Một số hiện tượng tự nhiên - Trò chuyện sáng theo PP Unis: Trò chuyện, chia sẻ giới thiệu hiện tượng TN (trời mưa, bão) + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. *** GDKNS**: Mưa ơi từ đâu đến?; Tiết kiệm nước
21. Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng quen thuộc khi được hỏi. Trò chuyện sáng theo PP Unis	
22. Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể + Các giác quan kỳ diệu + Cái miệng xinh + Đôi mắt xinh + Cơ thể chúng mình + Đôi bàn tay xinh + Đôi chân thật đáng yêu
23. Trẻ làm được thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	- Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi; Chất tan, không tan - Cầu vồng trong ống nghiệm - Pha màu nước; - Chơi chong chóng gió - Chơi thổi bong bóng xà phòng - Quá trình lớn lên của cây...

	- Trứng nổi trên nước - Giấy không bị ướt - Đường của tôi đâu
24. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh, ảnh, nhận xét và trò chuyện... - Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis
25. Trẻ mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo	**** Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi*** + Đồ dùng cho bé + Đồ chơi bé thích + Đồ dùng gia đình bé... + **GDKNS**: Những vật dụng nguy hiểm *- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc* + Phương tiện giao thông đường bộ - Trò chuyện sáng theo PP Unis: Trò chuyện, chia sẻ giới thiệu về: Phương tiện giao thông đường bộ + Thực hành giao thông đường bộ + Đèn tín hiệu giao thông + Phương tiện và quy định giao thông đường thủy + Phương tiện và quy định giao thông đường hàng không + **GDKNS**: Tập ngồi xe đạp, xe máy; Tập đội mũ bảo hiểm; An toàn khi đi bộ, Ngồi xe máy(ô tô) an toàn. *- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.* *Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi* + Con vật nuôi trong gia đình: - Trò chuyện sáng theo PP Unis: Trò chuyện, chia sẻ giới thiệu về: Con vật nuôi trong gia đình: Con vật sống trong rừng + Con vật sống dưới nước + Một số con vật biết bay + Bé yêu cây xanh + Những bông hoa đẹp + Những loại quả bé thích
26. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. Trò chuyện sáng theo PP Unis	

	+ Bé biết nhiều loại rau củ + Cây à bạn có gì? + **GDKNS**: Tập nhổ cỏ; Lau lá cây vàng rơi; Điều đặc biệt từ sâu bướm, Rau thật là ngon
27. Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình…	- Chơi đóng vai (Bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh...) - Hát các bài hát về hoa, quả, con vật... - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, hoa, quả, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản...
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
28. Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng	- Đặt câu hỏi cái gì? Mấy? là mấy? có bao nhiêu?.... - Chơi đếm trên các ngón tay qua trò chơi "ngón tay nhúc nhích" hoặc bài hát "Đếm tay" - Đếm trên các đối tượng theo ý thích
29. Trẻ đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	- Một và nhiều - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 2 - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 3 - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 4 - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 - Đếm theo khả năng của trẻ - Chơi các trò chơi, bài tập luyện đếm
30. Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Một và nhiều - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. - So sánh thêm bớt trong phạm vi 2 - So sánh thêm bớt trong phạm vi 3 - So sánh thêm bớt trong phạm vi 4 - So sánh thêm bớt trong phạm vi 5
31. Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5; Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm	+ Gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 và đếm + Tạo nhóm đối tượng theo các dấu hiệu khác nhau - Tách một nhóm có số lượng 2 thành hai nhóm. - Tách một nhóm có số lượng 3 thành hai nhóm. - Tách một nhóm có số lượng 4 thành hai

	nhóm. - Tách một nhóm có số lượng 5 thành hai nhóm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ.
32. Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (Mẫu) và sao chép lại	- Ghép đôi - Xếp tương ứng 1-1 - Xếp xen kẽ
33. Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau	- So sánh 2 đối tượng về kich thước + So sánh về độ lớn của 2 đối tượng và nói được từ: To hơn, nhỏ hơn. + So sánh về chiều cao của 2 đối tượng và nói được từ: Cao hơn, thấp hơn. + So sánh về chiều dài của 2 đối tượng và nói được từ: Dài hơn, ngắn hơn. + So sánh về chiều rộng của 2 đối tượng và nói được từ: Rộng hơn, hẹp hơn. - Chơi các trò chơi về so sánh kích thước 2 đối tượng
34. Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật. ***Lắp ghép các hình từ các nguyên vật liệu***	- Nhận biết, gọi tên các hình (Vuông, tam giác, chữ nhật, tròn) và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Nhận biết và gọi tên các hình: hình vuông, hình tròn; - Nhận biết và gọi tên: hình tam giác, hình chữ nhật. - Ôn nhận biết 4 hình - Sử dụng các hình hình học để chắp ghép - Lắp ghép các hình từ các nguyên vật liệu
35. Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	- Nhận biết phía trên - phía dưới - phía trước - phía sau của bản thân - Nhận biết tay phải - tay trái của bản thân
c. Khám phá xã hội	
36. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. Trò chuyện sáng theo PP Unis	- Trò chuyện sáng theo PP Unis: Trò chuyện, chia sẻ giới thiệu về bản thân: Tên, tuổi, giới tính, sở thích... Nhận biết về bản thân: Tên, tuổi, giới tính của bản thân.

	- Bé là ai? - Bé giới thiệu về mình - Ngày sinh nhật hồng
37. Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình; Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện. Trò chuyện sáng theo PP Unis	- Tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. Địa chỉ của gia đình bé - Những người thân trong gia đình bé - Các thành viên trong gia đình: Trò chuyện sáng theo PP Unis: Trò chuyện, chia sẻ giới thiệu về các thành viên trong gia đình - Ngôi nhà của bé - Nhu cầu của gia đình bé - Mừng sinh nhật mẹ...
38. Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. Trò chuyện sáng theo PP Unis	- Tên lớp; tên và công việc của cô giáo; tên các bạn; đồ dùng, đồ chơi của lớp; các hoạt động của trẻ ở trường Trường mầm non của bé: - Trường bé có gì - Lớp học thân yêu: - Trò chuyện sáng theo PP Unis: Trò chuyện, chia sẻ giới thiệu về lớp học của bé có gì? (đồ chơi, các bạn, đồ dùng xung quanh lớp...) - Ở trường bé làm gì
39. Trẻ kể được tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh. Trò chuyện sáng theo PP Unis	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề truyền thống gần gũi của địa phương và một số nghề phổ biến - Bé biết ơn bác nông dân - Cháu yêu cô, chú công nhân - Chú bộ đội - Bé thích làm giáo viên - Bé làm bác sỹ: * Trò chuyện sáng theo PP Unis: trò chuyện, chia sẻ giới thiệu về nghề bác sỹ
40. Trẻ kể tên một số lễ hội qua trò chuyện, tranh ảnh… Trò chuyện sáng	* Lễ hội: Tên các ngày lễ hội, của địa phương, đất nước trong năm như

theo PP Unis	- Ngày quốc khánh 2/9 - Ngày khai giảng năm học mới - Bé vui đón tết trung thu - Vui ngày hội cô giáo 20/11 - Mừng ngày tết chú bộ đội 22/12 - Tết và mùa xuân - Ngày tết quê em: Trò chuyện sáng theo PP Unis: Trò chuyện, chia sẻ giới thiệu về: ngày tết quê em - Lễ hội đền cuông - Vui ngày hội 8/3 - Mừng sinh nhật Bác 19/5: Trò chuyện, chia sẻ về Bác Hồ kính yêu
41. Trẻ kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương	***** Di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh: - Biển Diễn thành, Sông Bùng, Lèn hai vai, chùa cổ am, đền cuông; Khu du lịch sinh thái Mường Thanh, Hồ Xuân Dương - Diễn châu quê hương em - Biển cửa lò; Đảo ngư - Quảng trường Hồ Chí Minh - Quê Bác Hồ…
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
42. Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. Ví dụ: " cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ"…
43. Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa quả…	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc - Đồ dùng, đồ chơi trong trường mầm non: Cầu trượt, bập bênh... - Đồ dùng, đồ chơi bạn trai, bạn gái: Búp bê, quần soóc, váy... - Đồ dùng trong gia đình: Bàn là, ấm điện, quạt trần... - Đồ dùng các nghề: Bảng, phấn, bai, xẻng,

	cuốc, kim tiêm... - Các loại hoa, quả: Hoa hồng, hoa cúc...; Quả na, quả xoài, quả dứa... - Các con vật: Chó, mèo; sư tử; cá chép... - Một số đặc điểm nổi bật của PTGT, nơi hoạt động… - Hiện tượng tự nhiên: Mưa, nắng, sấm, chớp... - Quê hương, Bác Hồ...
44. Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại	- Nói, trả lời câu hỏi và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp: Giữa cô - trẻ; Trẻ -Trẻ…
45. Trẻ nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt; Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép trong các hoàn cảnh cụ thể: khi đồng ý làm theo yêu cầu
46. Sử dụng được câu đơn, câu ghép	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng
47. Trẻ sử dụng các từ Vâng ạ", "Dạ", "Thưa"…trong giao tiếp	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép ***- KNS: Dạy bé cách xưng hô, chào hỏi, thưa gửi lễ phép***
48. Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	+ Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... + Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép
49. Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.	- Kể lại sự việc như: Đi thăm ông bà, đi chơi, đi chợ quê, đi siêu thị, xem phim… - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ
50. Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	Nghe, đọc các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp độ tuổi - **Chủ đề Trường mầm non - Bé vui đón Tết Trung thu**: Bạn mới (Nguyệt Mai); Bé vẽ (Hoàng Thanh Hà); Mèo con đi học (Phạm Thị Vàng Anh); Cô giáo của con (Hà Quang); Quà Trung thu (Lê Huy Hòa); Mẹ và

	cô (Trần Quốc Toàn); Tình bạn (Trần Thị Hương); Làm đồ chơi, Chúng ta đều là bạn (Phạm Mai Chi); Bé không khóc nữa (Vũ Thị Minh Tâm); Trung thu của bé (Nguyễn Thị Hồng Vân); Bàn tay cô giáo (Định Hải); Bạn của bé (Vương Trọng)…chồng nụ chồng hoa (Định Hải) *** Chủ đề Bản thân**: Đôi mắt của em (Lê Thị Mỹ Phương); Cái lưỡi (Lê Thị Mỹ Phương); Miệng xinh (Phạm Hổ); Bé ơi (Phong Thu); Má bảo (Hoài Nam); Thỏ bông bị ốm; Cái mũi; Đi nắng…cái võng (Định Hải), chím câu ngoan lắm (Nguyễn Thị Thảo) *** Chủ đề Gia đình - Ngày hội của cô giáo**: Đồng hồ quả lắc (Ngọc Mai sưu tầm); Thăm nhà bà (Như Mạo); Luồn chỉ cho bà (Thái Thăng Long); Lòng mẹ (Cao Thị Minh Khanh); Lời chào (Nguyễn Tiến Bình); Bé ngoan (Lương Bình và Kim Tuyến sưu tầm); Lấy tăm cho bà (Định Hải); Gió từ tay mẹ (Vương Trọng); Chiếc quạt nan (Xuân Cầu); Ngôi nhà (Tô Hà); Khách đến rồi; Cô dạy…Bà của cháu (Nguyễn Văn Thanh), gió từ tay mẹ (Vương Trọng) *** Chủ đề Những nghề bé thích - Ngày 22.12**:Làm nghề như bố (Thu Quỳnh sưu tầm); Các cô thợ (Thy Ngọc); Ước mơ của bé, Em làm thợ xây (Hoàng Dân); Bé xếp nhà (Chu Huy); Chiếc cầu mới (Thái Hoàng Linh); Bác nông dân (Phương Hoa); Đi bừa (Hoàng Dân); Làm bác sỹ (Lê Ngân); Chú giải phóng quân (Cẩm Thơ) … Bé Chăn gà (Chu Huy), Hươu cao cổ (Định Hải) *** Chủ đề Thế giới động vật**: Rong và cá, Cá ngủ ở đâu, Đàn gà con (Phạm Hổ); Ong và bướm (Nhược Thủy); Con trâu (Võ Quảng); Kể cho bé nghe (Trần Đăng Khoa); Gấu qua cầu, Con khỉ (Hoàng Thị Minh Khanh)…Chim sâu (Phong Thu), Gà con tập viết (Phi Tuyết Ba) *** Chủ đề Tết và mùa xuân – Thế giới thực vật:** Cây đào (Nhược Thủy); Tết đang vào nhà (Nguyễn Hồng Kiên); Mùa xuân (Dương Khâu Luông); Hoa đào, hoa mai (Lê Bình); Hồ sen (Nhược Thủy); Quả; Cây dây leo

	(Xuân Tiến); Quả (GVMN - Phòng GD&ĐT Gia Lai); Dưa chuột (Sưu tầm); Cà rốt và củ cải (Sưu tầm); Bác bầu bác bí (Sưu tầm); Hoa kết trái (Lê Bình); Chùm quả ngọt (Tạ Hữu Nguyên); Trồng đậu trồng cà...Mướp và mùa xuân (Nguyên Văn Thanh), Hạt giẻ (Phong Thu) - **Chủ đề Một số phương tiện giao thông**: Xe chữa cháy (Phạm Hổ); Đèn xanh đèn đỏ (Định Hải); Giúp bà (Hoàng Thị Phỏng); Bé và mẹ (Phạm Hổ); Khuyên bạn (Nguyễn Thị Sen); Đèn giao thông (Mỹ Trang); Đàn kiến nó đi (Phạm Hổ); Qua cầu; Ô tô chạy bon bon; Ô tô buýt; Xe đổ rác… - **Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên**: Mưa rơi (Trương Thị Minh Huệ); Gió (Xuân Quỳnh); Nước (Vương Trọng), Cầu vông (Phạm Thanh Quang); Nắng ấm (Phong Thu); Ông mặt trời (Ngô Thị Bích Hiến); Bình minh trong vườn (Đỗ Ngọc Hương); Nắng bốn mùa (Mai Đức); Tiết kiệm nước (Thu Thủy); Bé giữ vệ sinh môi trường (Minh Châu)…sóng đầu bạc (Lê Huy Hoàng) - **Chủ đề Quê hương - Bác Hồ kính yêu**: Làng em buổi sáng (Nguyễn Đức Hậu); Quê em (Trần Đăng Khoa); Bác Hồ của em (Phan Thị Thanh Nhàn); Em vẽ Bác Hồ (Thị Ngọc); Hoa quanh lăng Bác (Nguyễn Bao); Ao làng (Nguyễn Thị Thanh); Ai dậy sớm (Võ Quảng)… quà mùa hè (Phi Tuyết Ba) *** Ca dao, đồng dao**: - Chi chi chành chành. - Nu na nu nống. - Đi cầu đi quán. - Kéo cưa lừa xẻ. - Lúa ngô là cô đậu nành. - Con kiến mà leo cành đa. - Lộn cầu vồng. - Dung dăng dung dẻ.

	- Đố ai đếm được lá rừng.
51. Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp độ tuổi; kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe; đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên *** Chủ đề Trường mầm non - Bé vui đón Tết Trung thu**: Đôi bạn tốt (Lê Thu Hương); Gà tơ đi học (Cẩm Linh); Món quà cô giáo (Tú Anh); Anh chàng méo mướp (Theo báo Hoạ mi); Có một bầy hươu; Bác voi tốt bụng; Mèo hoa đi học…Qủa tảo *** Chủ đề Bản thân - Ngày vui của bà, của mẹ**: Cậu bé mũi dài, Mỗi người một việc (Lê Thu Hương, Lê Thị Đức); Gấu con bị đau răng (Tạ Thị Liên); Món quà đặc biệt (Thanh Bình); Câu chuyện của tay trái và tay phải Lý Thị Minh Hà); Bé Minh Quân dũng cảm (Minh Hương)…Bằng nhau thôi *** Chủ đề Gia đình - Ngày hội của cô giáo**: Bông hoa cúc trắng (Phỏng theo truyện cổ Nhật Bản); Cháu ngoan (Hoàng Thị Cúc); Mẹ (Lưu Thị Bạch Liễu); Cháu ngoan của bà (Mai Thu Huệ); Quà tặng mẹ (Thu Hằng); Tích Chu (Phỏng theo truyện cổ tích chim cu); Ba cô tiên (Nhược Thủy); Nhổ củ cải (Phỏng theo truyện dân gian Nga); Những góc nhà hạnh phúc (Kim Hải); Cô bé quàng khăn đỏ (Thu Thủy kể phỏng theo truyện của Pháp); Chiếc ấm sành nở hoa… Một bó hoa tươi thắm *** Chủ đề Những nghề bé thích - Ngày 22.12**: Gà trống choai và hạt đậu (Sưu tầm); Cây rau của thỏ út, Lợn và cừu (Phong Thu); Cô Bác sỹ tý hon (Thu Hằng); Người bán mũ rong (Phạm Thị Sửu, Đặng Thu Quỳnh kể phỏng theo truyện nước ngoài); Ba anh em (Phỏng theo truyện cổ Gơrim)… Thần Sắt
52. Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	

	*** Chủ đề Thế giới động vật**: Bác gấu đen và 2 chú thỏ (Dương Đình Hy); Chú vịt xám (Thu Thủy); Ba con gấu (Minh Trang); Chú thỏ tinh khôn (Vũ Tú Nam); Ba chú lợn nhỏ (Phạm Thị Sửu, Đặng Thu Quỳnh); Gà trống và vịt bầu (Dương Thị Lam); Chú gà trống kiêu căng; Giọng hót chim Sơn Ca; Rùa con tìm nhà; Gọi mẹ; Ba người bạn; Chim thợ may; Sên và thỏ…Chim Non và gà con **- Chủ đề Tết và mùa xuân - Thế giới thực vật** - Sự tích ngày Tết; Sự tích bánh chưng, bánh giầy; Sự tích cây nêu; Hoa mào gà (Thùy Dương sưu tầm); Chú đỗ con (Viết Linh); Cỏ và lúa (Nguyễn Văn Chương); Sự tích các loại hoa (Hạ Huyền); Gói hạt kì diệu (Nguyễn Thị Mai); Hoa bìm bìm (Kim Tuyến kể); Con cáo và chùm nho (Phỏng theo truyện dân gian Nga); Ngôi nhà hoa quả (Sưu tầm)…Bé hành đi khám bệnh **- Chủ đề Một số phương tiện giao thông**: Kiến con đi ô tô (Phạm Mai Chi sưu tầm); Xe đạp con trên đường phố (Thu Hạnh); Xe lu và xe ca (Phong Thu); Ai quan trọng hơn (Sưu tầm); Chiếc đầu máy xe lửa tốt bụng; Tâm sự của vỏ hộp; Kiến thi an toàn giao thông…Thỏ con sang đường **- Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên**: Gió và mặt trời (Sưu tầm); Giọt nước tí xíu (Nguyễn Linh); Nàng tiên mưa (Võ Thị Thương); Chú bé giọt nước (Hoài Khánh); Cô con út của ông mặt trời (Thu Hằng); Cóc kiên trời (Thần thoại Việt Nam); Sự tích ngày và đêm (Thu Thủy); Biển, sông và suối; Lửa, nước mưa và con hổ kiêu ngạo… **- Chủ đề Quê hương – Đất nước - Bác Hồ**: Chuyện Ông Gióng; Khen các cháu; Ai ngoan sẽ được thưởng; Niềm vui bất ngờ; Truyền thuyết "Vua Hùng trồng kê tra lúa"; Truyền thuyết "Vua hùng dạy dân cấy lúa"… sự tích bánh chưng bánh giầy.

53. Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện.- Giữ gìn sách. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, đọc ngắt nghỉ sau các dấu. Tiếp xúc với chữ, sách truyện.
54. Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Xem tranh và nói được tên nhận vật trong tranh.
55. Trẻ thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc	- Vẽ, "viết" nguệch ngoạc… + Hướng viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
56. Trẻ nói được điều bé thích, không thích	- Nói, thể hiện những điều mình thích, không thích.
57. Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động mọi lúc mọi nơi, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi của mọi người.
58. Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao.	- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao: Xếp cất gối, xếp cất ghế, xếp khăn, xếp đồ chơi, chia giấy vẽ… **KNS: Trẻ tự mặc quần áo**
59. Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	- Chơi hòa thuận với bạn - Chờ đến lượt - Lao động tự phục vụ và công việc được giao:
60. Trẻ nhận ra cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh...	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói
61. Trẻ biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. - Yêu mến ông, bà, bố, mẹ, anh chị em ruột, người thân. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của địa phương, quê hương
62. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ	- Kính yêu Bác Hồ được thể hiện qua hành

63. Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	động, qua các hoạt động hàng ngày - Thích xem tranh ảnh và nhận ra hình ảnh Bác Hồ qua tranh ảnh, video... - Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ
64. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh dành đồ chơi, vâng lời bố mẹ	- Một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi; không tranh giành đồ chơi; để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; vâng lời bố mẹ, cô giáo...
65. Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở; Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). Chú ý lắng nghe khi cô, bạn nói. ***KNS***: - Lễ phép với người lớn - Cảm ơn khi nhận quà
66. Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối - Tiết kiệm điện nước
67. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Giữ gìn vệ sinh môi trường - Phân loại rác theo hướng dẫn của người lớn, bỏ rác đúng nơi quy định *** GDKNS**: Nhặt, phân loại rác; Bỏ rác đúng nơi quy định; Chiếc hộp bỏ đi
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
68. Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợni cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. Cảm nhận được âm thanh từ các chất liệu, nhạc cụ khác nhau	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Các hoạt động trong chương trình "cảm thụ âm nhạc": Nghe âm thanh từ nhạc cụ; cách tạo ra âm thanh từ nhạc cụ; nghe nhạc cổ điển, thính phòng, dân ca…
69. Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện. Thích nghe hát và hưởng ứng các làn điệu dân ca ví dặm Nghệ Tĩnh	- Nghe các bài hát, bản nhạc (Nhạc thiếu nhi, dân ca) - Bộc lộ cảm xúc khi nghe các bài hát, bản nhạc - Vận động theo ý thích khi nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc

	*** Chủ đề Trường mầm non - Bé vui đón Tết Trung thu**: Ngày đầu tiên đi học (Nhạc Nguyễn Ngọc Thiện, lời Viễn Phương); Ánh trăng hòa bình (Nhạc Hồ Bắc, lời Mộng Lân); Bài ca đi học (Phan Trần Bảng); Lớp chúng mình (Phạm Tuyên); Chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên); Em yêu trường em (Hoàng Vân); Đi học (Bùi Đình Thảo); Chào hỏi (Trần Hoàng Tiến); Niềm vui cô nuôi dạy trẻ… *** Chủ đề Bản thân - Ngày vui của bà, của mẹ**: Thật đáng chê (Việt Anh); Năm ngón tay ngoan (Trần Văn Thụ); Hãy lắng nghe (Lê Đức – Thu Huyền); Mừng sinh nhật (Đào Ngọc Dung); Em là bông hồng nhỏ (Trịnh Công Sơn); Nắm tay thân thiết (Nhạc Hàn quốc); Chỉ có một trên đời (Trương Quang Lục); Cho con (Nhạc Phạm Trọng Cầu - thơ Tuấn Dũng); Mẹ yêu, Mừng tuổi mẹ... *** Chủ đề Gia đình - Ngày hội của cô giáo**: Khúc hát ru người mẹ trẻ (Nhạc Phạm Tuyên, thơ Lâm Thị Mỹ Dạ); Ba ngọn nến lung linh (Ngọc Lễ); Cô giáo (Nhạc Đỗ Mạnh Thường, thơ Nguyễn Hữu Tường); Ru con (Dân ca Nam bộ); Tổ ấm gia đình (Hoàng Vân); Lời ru trên nương (Trần Hoàn); Cái cò đi đón cơn mưa (Phạm Tuyên)... *** Chủ đề Những nghề bé thích - Ngày 22.12**: Hạt gạo làng ta (Nhạc Xuân Giao, thơ Trần Đăng Khoa); Xe chỉ luồn kim (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Đi cấy (Dân ca Thanh Hóa); Chú bộ đội và cơn mưa; Ba em là công nhân lái xe; Cô giáo; Cháu thương chú bộ đội; Cháu yêu cô chú công nhân; Lớn lên cháu lái máy cày... *** Chủ đề Thế giới động vật**: Chú ếch con (Phan Nhân); Gà gáy le te (Dân ca Cống khao); Chú voi con ở Bản Đôn (Phạm Tuyên); Con cò (Xuân Giao); Tôm cá cua thi tài (Hoàng Thị Dinh); Cò lả (Dân ca Bắc bộ); Lý con sáo Gò Công... *** Chủ đề Tết và mùa xuân - Thế giới thực vật - Ngày 08.3**: Lá xanh (Thái Cơ); Mùa xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiện); Hoa trong

	vườn (Dân ca Thanh Hóa); Cây trúc xinh (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Lý cây bông (Dân ca Nam bộ); Hoa thơm bướm lượn (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Ngày Tết quê em (Từ Huy); Em thêm một tuổi (Trương Quang Lục); Mùa xuân nho nhỏ (Trần Hoàn); Chúc xuân; Trồng cây... *** Chủ đề Một số phương tiện giao thông**: Nhớ lời cô dặn (Hồng Ngọc); Anh phi công ơi (Nhạc Xuân Giao, thơ Xuân Quỳnh); Tàu hỏa (Bùi Anh Tôn); Đi trên vỉa hè bên phải (Nguyễn Thị Thanh); Con thuyền ước mơ... *** Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên**: Mưa rơi (Dân ca Xá); Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích); Mưa bóng mây; Bé và trăng; Bốn mùa; Tôi là gió; Tia nắng hạt mưa; Mùa hè chia tay... *** Chủ đề Quê hương - Bác Hồ kính yêu**: Từ rừng xanh cháu về thăm lăng Bác (Hoàng Long, Hoàng Lân); Tiếng chim trong vườn Bác (Hàn Ngọc Bích); Nhớ giọng hát Bác Hồ (Nhạc Thanh Phúc, lời Tạ Hữu Yên); Bác Hồ người cho em tất cả (Hoàng Long, Hoàng Lân); Về quê mình Diễn Châu (Hồ Hữu Thới); Em đi giữa biển vàng (Bùi Đình Thảo); Trái đất này là của chúng mình (Trương Quang Lục); Quê hương là chùm khế ngọt; Đêm pháo hoa; Inh lả ơi; Em là chim câu trắng; Em mơ gặp Bác Hồ; Xòe hoa... - Thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện - Nghe hát và nghe giai điệu các làn điệu dân ca, dân ca ví dặm Nghệ Tĩnh
70. Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc **71**. Trẻ vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh hoạ)	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp - Vận động theo ý thích khi hát các bài hát quen thuộc

	*** Chủ đề Trường mầm non - Bé vui đón Tết Trung thu**: Vui đến trường (Hồ Bắc); Em đi mẫu giáo (Dương Minh Viên); Cháu đi mẫu giáo (Phạm Minh Tuân); Rước đèn dưới trăng (Phạm Tuyên); Đêm Trung thu (Phùng Như Thạch); Trường cháu đây là trường mầm non (Phạm Tuyên); Ngày vui của bé (Hoàng văn Yến); Ai ra ngoài (Phan Huỳnh Điểu); Đi dạo (Trần Hữu Du); Quả bóng (Huy Trân); Đi học về... *** Chủ đề Bản thân - Ngày vui của bà, của mẹ**: Chơi ngón tay (Nhạc Hàn Quốc); Tay thơm tay ngoan (Bùi Đình Thảo); Em ngoan hơn búp bê (Phùng Như Thạch); Hãy xoay nào (Nhạc Hàn Quốc); Nào! Chúng ta cùng tập thể dục (Thu Hiền); Mời bạn ăn (Trần Ngọc); Xòe bàn tay, nắm ngón tay (Minh Quân); Khám tay (Đào Việt Hưng); Đường và chân (Hoàng Long); Tập rửa mặt (Hồng Đăng); Tóm được rồi (Nhạc Anh, lời Việt: Lê Đức, Thu Hiền); Chúc mừng sinh nhật;... *** Chủ đề Gia đình - Ngày hội của cô giáo**: Cả nhà thương nhau (Phan Văn Minh); Hoa bé ngoan (Hoàng Văn Yến); Cô và mẹ (Phạm Tuyên); Múa cho mẹ xem (Xuân Giao); Biết vâng lời mẹ (Minh Khang)... *** Chủ đề Những nghề bé thích - Ngày 22.12**: Đội kèn tý hon (Phan Huỳnh Điểu); Làm chú bộ đội (Hoàng Long); Ba em là công nhân lái xe (Lê Văn Lộc); Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền); Đi một hai (Đoàn Phi); Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yến)... ***Chủ đề Thế giới động vật**: Con chim non, Chú gà trống gọi, Ai cũng yêu chú mèo (Kim Hữu); Đàn gà con (Nhạc nước ngoài); Voi làm xiếc (Phan Hiền); Đàn vịt con (Mộng Lân); Gà trống, mèo con và cún con (Thế Vinh); Con chuồn chuồn (Vũ Đình Lê); Con gà trống (Hà Hải); Cá vàng bơi (Tân Huyền)... *** Chủ đề Tết và mùa xuân - Thế giới thực vật - Ngày 08.3**: Em yêu cây xanh, Mùa xuân (Hoàng Văn Yến); Sắp đến tết rồi (Hoàng

	Vân); Cây bắp cải (Nhạc Thu Hồng, lời Phạm Hổ); Màu hoa (Hồng Đăng); Quả (Xanh Xanh); Bầu bí (Phạm Tuyên); Quà mồng 08/3 (Hoàng Long); Mùa xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu)... *** Chủ đề Một số phương tiện giao thông**: Đường em đi (Nhạc Ngô Quốc Tính, lời Tường Vân); Đèn xanh đèn đỏ (Nhạc Ngô Quốc Tính, lời Thế Hội); Đoàn tàu nhỏ xíu (Mộng Lân); Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yến); Em tập lái ô tô (Nguyễn Văn Tý); Em đi chơi thuyền (Trần Viết Tường); Lái ô tô (Đoàn Phi)... *** Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên**: Trên cát (Nhạc Anh, lời Việt: Phan Hương); Trời nắng trời mưa (Đặng Nhất Mai); Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung); Mây và gió (Minh Quân); Sau mưa (Lương Ngọc Hoàn); Phao bơi;... *** Chủ đề Quê hương - Bác Hồ kính yêu**: Bé em tập nói (Hoàng Long); Quê hương tươi đẹp (Dân ca Nùng, đặt lời Anh Hoàn); Hòa bình cho bé (Huy Trân); Đi thăm Thủ đô (Bùi Anh Tôn); Em mơ gặp Bác Hồ (Xuân Giao)... - Thích nghe đọc một số bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, câu chuyện...
72. Trẻ vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản	Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản *** Chủ đề: trường mầm non** - Tô màu đèn lồng, bóng bay, đu quay, con đường tới trường... *** Chủ đề: Bản thân** - Tô màu mũ, áo bạn trai, bạn gái... *** Chủ đề: gia đình** - Tô màu tranh gia đình, tô màu ngôi nhà, vẽ những cuộn len màu... *** Chủ đề: Nghành nghề** - Tô màu sản phẩm một số nghề, vẽ tô màu bình hoa, vẽ cuộn len... *** Chủ đề: Thế giới thực vật; tết và mùa xuân** Vẽ hoa quả ngày Tết, vẽ cây ăn quả,

	tạo hoa bằng dấu vân tay, vẽ tô màu quả cà chua, quả bí xanh... *** Chủ đề: Động vật** - Vẽ tô màu con gà con, tô màu con hươu cao cổ... *** Chủ đề: PT và QĐGT** - Vẽ ô tô,tô màu xe máy, tô màu đèn giao thông, tô màu khinh khí cầu... *** Chủ đề: nước và HTTN** - Vẽ mưa, cỏ, cây... *** Chủ đề: Quê hương - Đất nước - Bác Hồ** - Tô màu dây cờ - Tô màu Lăng Bác - Vẽ theo ý thích...
73. Trẻ xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	* Sử dụng một số kỹ năng xé, dán để tạo ra sản phẩm đơn giản - Dán bập bênh - Dán cái thang - Dán cái cốc - Xé giấy thành dải - Xé dán bánh chưng - Xé dán quả chuối - Xé dán tán lá cây - Xé dán con sứa - Cắt dán con cá - Dán đèn giao thông - Xé dán chiếc ô che mưa - Xé dán tia nắng mặt trời - Xé dán đuôi diều...

74. Trẻ lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối	*** Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản** - Nặn bánh hình tròn - Nặn bánh hình dài - Nặn vòng - Nặn con vật - Nặn xà phòng - Nặn quả tròn - Nặn củ cà rốt - Nặn bánh xe - Nặn cái phao bơi - Nặn theo ý thích...
75. Trẻ sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý	*** Sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm** - Làm tranh, đồ dùng, đồ chơi sáng tạo bằng nguyên vật liệu, tranh tập thể, tranh chủ đề. - Sử dụng nguyên vật liệu thiên nhiên (Lá khô, sỏi, quả khô...), phế liệu (Len, ống hút...) tạo ra sản phẩm theo gợi ý của cô: + Làm đèn lồng + cơ thể chúng mình + Làm hoa xinh tặng cô + Ngôi nhà xanh + Trang trí khăn mùi soa + Làm điện thoại bằng cốc giấy + Làm cái nơ + Làm quà tặng cô, bà, mẹ + chế tạo ô tô + Hoa mùa xuân + Trang trí góc nhỏ đón tết + Làm quà tặng chú bộ đội + Làm cầu bắc qua sông + Trang trí thiệp tặng cô + Trang trí mũ chú bộ đội + Trang trí con sao biển + Trang trí chiếc phao + Làm cái thuyền, làm cánh buồm... + Trang trí khung ảnh Bác

76. Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản: Xếp nhà, xếp bàn ghế, cầu, đường đi, phương tiện giao thông, hình người...
77. Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm
78. Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (Về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình	- Nói lên cảm nhận và bộc lộ cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình
79. Trẻ biết nhận xét, đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Nhận xét sản phẩm tạo hình - Đặt tên cho sản phẩm của mình
Tin học	
80. Tin học: Trẻ biết tắt, mở máy, rê chuột để bấm chơi các trò chơi trên máy tính	***Thiết bị máy tính (chuột, phím, nguồn...); chơi các trò chơi, thực hiện các bài tập trong máy tính***
Giáo dục tăng cường	
81. Ngoại ngữ: (Tiếng Anh) Nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật hiện tượng và hành động rất đơn giản quen thuộc với lứa tuổi; Nghe và nắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 3, một số từ, cụm từ rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi	- Trẻ nói được khoảng 50 từ, cụm từ; - Số từ 1 đến 5. - Nói được 1 số câu chào hỏi, tạm biệt, hỏi tên; - Câu hỏi, câu kể, câu cảm thán, câu cầu khiến rất đơn giản, quen thuộc, phù hợp với lứa tuổi.
82. Múa, nhảy: Trẻ nắm được các động tác cơ bản - Trẻ cơ bản biết được các động kết hợp Có ít nhất 01 bài đồng diễn.	- Nhảy erobich.... - Múa hiện đại, dân gian.... ***Các bài học trong chương trình "Múa": Các thế tay, chân cơ bản; múa với 1 số bài múa trong chương trình***
83.Võ: Trẻ nắm được phương pháp hít thở, vặn hông gác chân**,** các động tác đấm thẳng, đấm móc, Luyện đinh tấn trái, đinh tấn phải. Học chém lối 1	- Đấm thẳng 2 đấm kết hợp phương pháp thả lỏng - Đấm móc kết hợp phương pháp hít thở. - Luyện đinh tấn trái, đinh tấn phải. - Bài tập vặn hông gác chân - Học chém lối 1

Phụ lục 1

DỰ KIẾN KHUNG THỜI GIAN VÀ THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ NĂM HỌC 2026-2027 KHỐI MẪU GIÁO NHỠ 4-5 TUỔI

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần thực hiện	Thời gian thực hiện
1	**Trường mầm non Diễn châu 1- Bé vui đón Tết Trung thu (3 tuần)**	Trường Mầm non thân yêu của bé!	1 tuần	7/9 - 11/9/2026
		Bé và Các hoạt động trong trường mầm non	1 tuần	14/9 - 18/9/2026
		Bé vui đón Tết Trung Thu	1 tuần	21/9 - 25/9/2026
2	**Bản thân – Vui ngày hội 20/10 (4 tuần)**	Bé tự giới thiệu về mình	1 tuần	28/9 - 2/10/2026
		Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1 tuần	5/10 - 9/10/2026
		Vui ngày hội 20/10	1 tuần	12/10 - 16/10/2026
		Giáo dục giới tính	1 tuần	19/10- 23/10/2026
3	**Gia đình Của bé Ngày hội của cô giáo 20-11 (5 tuần)**	Ngôi nhà thân yêu của bé	1 tuần	26/10 - 30/10/2026
		Những người thân trong gia đình bé	1 tuần	02/11 - 06/11/2026
		Đồ dùng trong gia đình	1 tuần	09/11 - 13/11/2026
		Ngày hội của cô giáo 20/11	1 tuần	16/11 - 20/11/2026
		Ngày vui gia đình	1 tuần	23/11- 27/11/2026
4	**Những nghề bé thích - Vui ngày Tết chú bộ đội (4 tuần)**	Bé yêu bác nông dân	1 tuần	30/11- 04/12/2026
		Bé yêu cô chú công nhân	1 tuần	07/12 - 11/12/2026
		Vui ngày tết chú bộ đội 22/12	1 tuần	14/12 - 18/12/2026
		Bé tập làm bác sỹ	1 tuần	21/12 - 25/12/2026
5	**Thế giới động vật (4 tuần) -**	Một số động vật sống trong gia đình	1 tuần	28/12 - 01/01/2027
		Một số động vật sống dưới nước	1 tuần	04/1 – 08/01/2027

		Một số động vật sống trong rừng	1 tuần	11/01 – 15/01/2027
		Một số loại chim và côn trùng	1 tuần	18/01 - 22/01/2027
6	**Thế giới thực vật - Tết và 8/3 (5 tuần)**	Tết nguyên đán và Những bông hoa đẹp	1 tuần	25/01 - 29/01/2027
		Bé yêu cây xanh	1 tuần	15/2 – 19/02/2027
		Một số loại rau	1 tuần	22/02- 26/02/2027
		Bé vui ngày hội 8/3	1 tuần	01/3- 05/03/2027
		Một số loại quả	1 tuần	08/03 - 12/03/2027
7	**Phương tiện và quy định giao thông (4 tuần)**	Phương tiện và quy định giao thông đường bộ	1 tuần	15/03 - 19/03/2027
		Thực hành phương tiện và quy định giao thông	1 tuần	22/03 - 26/03/2027
		Phương tiện và quy định giao thông đường thủy	1 tuần	29/03 - 02/04/2027
		Phương tiện và quy định giao thông đường hàng không	1 tuần	05/04- 09/04/2027
8	**Nước và một số hiện tượng tự nhiên (3 tuần)**	Bé biết gì về nước	1 tuần	12/4 - 16/4/2027
		Một số hiện tượng tự nhiên	1 tuần	19/4 - 23/4/2027
		Bé với mùa hè	1 tuần	26/4 – 30/04/2027
9	**Quê hương – Đất nước - Bác Hồ kính yêu (3 tuần)**	Quê hương Diễn châu thân yêu	1 tuần	03/05 - 08/05/2027
		Bác Hồ kính yêu	1 tuần	10/05 - 14/05/2027
		Thủ đô Hà Nội yêu dấu	1 tuần	17/05 - 21/5/2027
	Tổng		**35 tuần**	

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ
ĐỘ TUỔI: 4 - 5 TUỔI
NĂM HỌC 2026-2027

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiên	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	***a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:*** - Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với trẻ - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: + Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%- 20% năng lượng khẩu phần. + Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần. + Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kĩ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay… nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn. - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. Đảm bảo thực đơn của trẻ không trùng lặp lại trong 2 tuần. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày(kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong	Cán bộ quản lý, Giáo viên, nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông sử dụng bình ủ nước để ủ nước ấm cho trẻ uống. ***b. Chăm sóc bữa ăn*** ** Trước khi ăn:* - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,... - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng VS trước và sau khi ăn; Tổ chức cho trẻ tự rửa tay bằng xà phòng, lau mặt trước khi ăn. - Cho trẻ đi vệ sinh nếu có nhu cầu. ** Trong khi ăn:* - Giáo viên thực hiện nhiệm vụ chia cơm cho trẻ - Sau khi chia xong, thức ăn chuyển cho trẻ ăn phải có nhiệt độ phù hợp, không được quá nóng sẽ gây bỏng trẻ. Vào mùa đông, cần đảm bảo giữ nhiệt độ thức ăn còn ấm cho đến thời điểm trẻ ăn. - Trẻ xếp hàng nhận cơm, sau đó đi về chỗ ngồi đã được phân công để ăn. - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kĩ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Cô theo dõi hướng dẫn trẻ ăn chậm, nhai kĩ, động viên trẻ ăn hết suất và tiếp thêm cơm, thức ăn nếu trẻ có nhu cầu. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. Trẻ biếng ăn nên xếp ngồi gần trẻ ăn giỏi để thi đua. - Kết hợp giáo dục dinh dưỡng trước và trong khi trẻ ăn. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ ** Sau khi ăn:*		

	- Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh, đánh răng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung. - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
2. Tổ chức giấc ngủ	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). **** Trước lúc cho trẻ ngủ:*** - Kiểm tra xem trẻ đã vệ sinh răng miệng, uống nước chưa, có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen đánh răng, uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, trải sạp ngủ, lấy chăn gối. - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). - Sau bữa ăn khoảng 30 phút cô có thể tổ chức cho trẻ ngủ. **** Trong khi ngủ*** - Nhắc trẻ nằm ngay ngắn khi ngủ. Giáo viên có thể mở nhạc hát ru cho trẻ dễ đi vào giấc ngủ, giúp trẻ ngủ ngon hơn. - Tôn trọng tư thế ngủ của trẻ. Không được kéo chăn trùm kín đầu, không để trẻ nằm sấp, úp mặt vào gối. - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác **** Sau khi thức dậy*** - Để trẻ tự thức giấc, không đánh thức đồng loạt. - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngái ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngọt làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải	- Giáo viên chủ nhiệm - NV nấu ăn	

	mái trước khi vào ăn bữa phụ.		
3. Tổ chức vệ sinh	***a.Vệ sinh cô:*** - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm ***b. Vệ sinh cá nhân trẻ*** - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh và vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong trường hợp trẻ lỡ bây bẩn giáo viên phải tắm, rửa cho trẻ sạch sẽ. Đặc biệt mùa đông khi tắm, rửa cho trẻ phải sử dụng nước ấm. - Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; Cho trẻ đánh răng, pha nước muối thoảng để tại lớp cho trẻ súc miệng. - Tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa, đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng. ***c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp*** ** Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:* - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, dễ cất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong	Giáo viên và nhân viên. Học sinh- phụ huynh	

	kho. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kĩ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kĩ năng vệ sinh). + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ ** Xử lý rác và nước thải trong nhà trường* - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khăn ố màu phải kiểm tra và xử lý ngồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	***a. Chăm sóc sức khỏe*** ** Khám sức khỏe* - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Nhà trưởng tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả	- Cán bộ quản lý - Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã,	

	cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe ** Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.* - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao - Theo dõi cân nặng và chiều cao 3 tháng/1 lần (vào tháng 9, 12/2023 và tháng 3/2024); - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp PH chăm sóc trẻ. ***b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:*** - Phối hợp với trung tâm y tế tuyền truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xẩy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Đặc biệt là dịch bệnh covid19. Chú ý khi nhiều trẻ trong nhà trường bị mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sở, thủy đậu…) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. ***c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm*** - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viên đg hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy. - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, cồn iốt loãng 2,5%) + Thuốc hạ sốt; OERSOL; Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị mệt phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. ***d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn***	- Phụ huynh	

	thường gặp - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý phòng chống dịch Covid- 19 - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
5. Chăm sóc trẻ khuyết tật *(nếu có)*	- Để đảm bảo quyền lợi và chế độ chính sách cho trẻ thì nhà trường phải tuyên truyền hướng dẫn cho gia đình làm hồ sơ cho trẻ để trẻ được quan tâm, chăm sóc để phát triển những khiếm khuyết của cơ thể trẻ. - Đối với những nhóm lớp có trẻ khuyết tật, giáo viên phải nắm rõ mức độ khuyết tật của trẻ; tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ + Sự phát triển về thể chất + Khả năng ngôn ngữ và giao tiếp + Khả năng nhận thức + Quan hệ xã hội + Môi trường phát triển của trẻ - Xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả đặc biệt là làm tốt công tác tuyên truyền phối hợp với gia đình, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương để thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc GD trẻ hòa nhập.	CBQL, giáo viên, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương và cộng đồng	

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TRẺ 4-5 TUỔI

Mục tiêu	Nội dung
1. Lĩnh cực giáo dục phát triển thể chất	
a. GD dinh dưỡng- sức khỏe	
1. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Cân nặng: + Trẻ trai: 14,4 – 23,5 kg. + Trẻ gái: 13,8 – 23,2 kg. - Chiều cao (cm) : + Trẻ trai: 100,7 – 119,1 cm. + Trẻ gái: 99,5 – 117,2 cm	+ Chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển trẻ theo đọ tuổi + Kiểm tra sức khỏe đầu năm cho trẻ và khám chuyên khoa 1 lần /năm + Cân đo theo dõi biểu đồ tăng trưởng và phát triển(đối trẻ bình thường 3 tháng/ lần, đối trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi 1lần/tháng. + Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển
2. Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng), một số thực phẩm cùng nhóm (Thịt, cá, trứng... có nhiều đạm, rau quả chín có nhiều vitamin ....)
3.Trẻ biết một số món ăn hằng ngày và lợi ích của chúng đối với sức khỏe.	- Một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Trứng rán, cá kho, thịt kho, tôm rim, rau có thể luộc, nấu canh.....gạo nấu cơm, nấu cháo - Biết ăn để cao lớn,khỏe mạnh thông minh,biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật(ỉa chảy, sâu rang, suy dinh dưỡng, béo phì…)
4. Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống	*** Thói quen ăn uống:** - Mời các cô các bạn khi ăn - Trong khi ăn nhai kỹ, ăn miếng nhỏ, không nói chuyện, chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. - Uống nhiều nước lọc,không uống nước lã, không uống nhiều một lúc mà uống từng ít một trong nhiều lần - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau,ăn thêm rau. - ***GD KNS:*** Làm gì để phòng lây nhiễm dịch bệnh. - Vệ sinh trước khi ăn cơm, sau khi đi vệ sinh, đi

	vệ sinh đúng nơi đúng chỗ..... ***- GD KNS: Một số hành vi văn minh trong ăn uống*** - Bỏ rác đúng nơi quy định.
5.Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:	*** Một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:** + Vệ sinh răng miệng, + Đeo khẩu trang khi đi học + Rửa tay sát khuẩn hoặc xà phòng laiboy trước khi vào lớp - KNS: Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, đau và cách phòng tránh đơn giản. - KNS: Bé làm gì khi bị đau, chảy máu - KNS: Nhận biết và cách phòng tránh lây nhiễm một số bệnh đơn giản
6.Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	- Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt đánh rang - Tự cầm thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, không làm đổ thức ăn. - Tổ chức vệ sinh trước, sau giờ ăn - Thực hiện các nhiệm vụ trong bữa ăn, tổ chức giấc ngủ: bê, cất ghế; lau, dọn bàn ăn; bê suất ăn; bê, cất giường, gối chăn... * Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. + Mặc trang phục phù hợp với thời tiết để đảm bảo sức khỏe: mặc quần ao thoáng mát về mùa hè đội mũ,mặc áo khoác khi ra nắng; khi trời lạnh mặc áo ấm, đi tất, đi dép, giày khi đi học - Tự thay quần áo khi ướt, bẩn. - GD KNS: Học cách cởi và mặc áo quần; Kỹ năng gấp quần áo
7. Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh đối với đồ vật.	*** Chơi an toàn với đồ chơi ở trường mầm non** - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu - Những hành động không an toàn , sờ ổ điện , leo trèo cầu thang, không xô đẩy bạn, bỏ đồ chơi vật dụng vào tai mũi, hoặc ngậm nuốt đồ chơi… - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. * **Kỹ năng ở lớp và gia đình**: Nhận ra và tránh 1 số vật dụng nguy hiểm, không chơi với vật nguy hiểm, ổ điện (bàn là, bếp, phích nước nóng, biết các vật sắc nhọn không nên nghịch…) khi được nhắc nhở.

	KNS: Phòng tránh điện giật
8.Trẻ biết nguy cơ ngộ độc thực phẩm và cách phòng tránh	*** An toàn thực phẩm:** Không ăn thức ăn có mùi ôi thiu, không uống rượu bia cà phê, tránh xa khói thuốc, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn… - Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: Không cười đùa khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt…
9. Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm. Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu; biết gọi người lớn giúp đỡ khi bị lạc.	* **Tránh nơi nguy hiểm** - Không được chơi gần.hồ ao, mương nước,bể nước, giếng, hố vôi, - Biết gọi người lớn khi mình, người khác gặp nguy hiểm - Phân biệt lòng đường, vỉa hè, đường ray…và tham gia giao thông an toàn *** Giữ an toàn** khi tiếp xúc hoặc lại gần con vật - KNS: Một số trường hợp khẩn cấp (cháy, bị đau, chảy máu..) và gọi người giúp đỡ - KNS: Kỹ năng thoát hiểm khi có cháy - KNS: Bé làm gì khi bị lạc? - KNS: Bé phòng tránh đuối nước - Trò chuyện và hỏi bé thường xuyên về số điệnthoại của bố hoặc mẹ. - KNS: Nhận biết các số điện thoại khẩn: 111, 113, 114, 115 - Kỹ năng: Chờ người giúp đỡ khi bị lạc nói được tên địa chỉ gia đình số điện thoại người thân khi cần thiết. - KNS: Không nhận quà và đi theo người lạ
b. Phát triển vận động	
10.Trẻ thực hiện được đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
11. Trẻ kiểm soát được vận động :	*** Đi và chạy:**

Đi, chạy	- Đi bằng gót chân, đi khuỵu gối, đi lùi. - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi theo đường dích zắc(đổi hướng) theo vật chuẩn. - Chạy theo đường dích zắc(đổi hướng) theo vật chuẩn. - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát - Đi dồn bước trên ghế thể dục - Đi nhanh, đi chậm - Đi thay đổi hướng theo vật chuẩn - Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm 60-80m
12. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động : Bước, đi ;	*** Bước, đi :** - Bước đi trên ghế thể dục - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m
13. Trẻ có các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động: Bật nhảy, bò, trườn, trèo	*** Bật, nhảy:** + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 – 40cm. + Bật sâu 30 - 35 cm + Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30 – 35cm). + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10 – 15cm. + Nhảy lò cò 3m. *** Bò, trườn, trèo:** + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. + Bò dích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 gióng thang.
14. Trẻ phối hợp tay mắt trong vận động : tung, ném, bắt, chuyền.	*** Tung, ném, bắt:** + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích thẳng đứng (bằng 1 tay - Xa 1,5mx cao 1,2m) - Ném trúng đích nằm ngang (bằng 1 tay , xa

	1,2m- 1,4m) - Chuyền bắt bóng qua đầu, qua chân.
15.Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp	+ Chạy liên tục 15 m theo hướng thăng, chuyền bóng + Ném trúng đích nằm ngang(xa 2m),bật qua vật cản + Bò trong đường dích dắc (3-4 điểm cách nhau 2m, không lệch ra ngoài), kẹp bóng di chuyển
. 16. Trẻ thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay, mắt trong một số hoạt động;	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gắn, nối... - Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình người, nhà, cây - Cắt thành thạo theo đường thẳng - Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối - Biết tết sợi đôi - Tự cài, cởi cúc, buộc giây giày - Cuộn- xoay tròn cổ tay - Gập, mở các ngón tay
2. Lĩnh vực giáo dục phát triển nhận thức	
a, Khám phá khoa học	
17.Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh và nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	* Quan tâm đến những thay đổi của sự vật và hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng: " Vì sao cây lại héo?, " Vì sao lá cây bị ướt? tại sao bạn không đi học..... dép để là gì? Tại sao phải đội mũ khi đi ra nắng? * Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát ,so sánh dự đoán. Ví dụ: - Pha màu /đường/muối vào nước,dự đoán,quan sát so sánh. - Quá trình phát triển của cây - Pha màu nước, nước bay hơi, một vài chất tan trong nước - Thổi bong bóng xà phòng. - Làm thí nghiệm khoa học với một vài chất liệu nổi bật của các đồ dùng, đồ chơi trong gia đình: Gỗ, nhựa, kim loại, i-nốc, sắt, nhôm, vải, ni lông, xem vật nào nổi, vật chìn nổi, sự hòa tan của đất cát, sự bay hơi của nước, sức gió, nước nóng, nước bốc hơi.…

	* Một số hiện tượng tự nhiên: - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Ngày và đêm; Mặt trăng và mặt trời - Sự kì diệu của nước. - Bé biết gì về mùa hè - Không khí, các nguồn ánh sáng. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. *Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách tranh ảnh,Nhận xét và trò chuyện thảo luận
18. Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp sờ, ngửi, nếm ... để tìm hiểu đăc điểm của đối tượng.	Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể + Các giác quan kỳ diệu + Khám phá cái miệng xinh + Đôi mắt bé yêu + Cơ thể bé và các bạn + Khám phá đôi bàn tay xinh + Đôi chân thật đáng yêu + Ứng dụng steam: Làm bàn tay rô bốt cử động được. + Ứng dụng steam: In hình bàn tay
19.Trẻ biết làm thử nghiệm, ***thí nghiệm Steam*** và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát so sánh, dự đoán.	**Thực hiện dự án ngắn hạn** - Trung thu có gì (trường mầm non) - An bum chúng mình thật đặc biệt (bản thân) - Ngôi nhà của bé (gia đình) - Hạt mầm kì diệu (Thực vật) - Chiến sỹ tí hon (Ngành nghề) - Giao thông an toàn (giao Thông) - Ánh sáng có từ đâu (nước và HTTN) - Mừng sinh nhật Bác (quê hương – đất nước – Bác Hồ) - Bí mật về Quả trứng.(động vật) **Thí Nghiệm** - Pha màu nước, nước bay hơi, một vài chất tan trong nước - Thổi bong bóng xà phòng. - Làm thí nghiệm khoa học với một vài chất liệu nổi bật của các đồ dùng, đồ chơi trong gia đình: Gỗ, nhựa, kim loại, i-nốc, sắt, nhôm, vải, ni lông, xem vật nào nổi, vật nào chìm... - Thí nghiệm với không khí/ gió/ ánh sáng. - Pha màu/đường/muối vào nước, dự đoán, quansát, so sánh - Thí nghiệm vui với backing soda và dấm

	- Thí nghiệm cầu vồng xuất hiện - Thí nghiệm Mưa nhân tạo…
20.Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: - Xem sách, tranh, ảnh, nhận xét và trò chuyện... - Sưu tầm, làm sách tranh
21.Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.
22. Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Đồ dùng trong gia đình bé - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng đồ chơi 1-2 dấu hiệu - Một số PTGT đường bộ. - Một số QĐGT đường bộ. - Một số PT và QĐGT đường thủy, - Một số PT và QĐGT đường hàng không - Thực hành quy định giao thông + Phân loại một số PTGT theo 1-2 dấu hiệu (đặc điểm, nơi hoạt động, công dụng) - ***GDKNS***: Ngồi xe máy . xe đạp - Cách đội mũ bảo hiểm - Động vật nuôi trong gia đình - Động vật sống dươi nước - Động vật sống trong rừng - Một số loài chim, côn trùng - Em yêu cây xanh - Một số loại rau - Những bông hoa đẹp - Một số loại quả + So sánh sự giống và khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả + Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu - ***GDKNS***: + Nhặt lá vàng rơi + Tập lao động vườn trường, nhổ cỏ, lau lá cây, tưới nước cho cây.. + Dạy trẻ biết bảo vệ môi trường - Chơi các trò chơi phân nhóm đối tượng
23. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	
24.Trẻ biết thể hiện được một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Thể hiện được một số hiểu biết về đối tượng - Xây dựng các "công trình" từ những khối xây dựng khác nhau. - Có những cử chỉ điệu bộ, vận động minh hoạ / múa sáng tạo khác với hướng dẫn của cô….
b, Khám Phá Xã hội	

25.Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Bé tự giới thiệu về mình - Trò chuyện về một số đặc điểm để phân biệt bạn trai, bạn gái - Sinh nhật hồng - Bé lớn lên hằng ngày. - Sở thích bạn trai, bạn gái - Các hoạt động vui chơi của bé và các bạn
26.Trẻ biết được họ tên, một số công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ; Nói được địa chỉ của gia đình mình khi được hỏi trò chuyện.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình - Gia đình bé - Một số nhu cầu của gia đình. - Những người thân trong gia đình bé - Nhà bé ở đâu **GDKNS**: Không đi theo và nhận quà người lạ
27.Trẻ hiểu biết về trường mầm non, nói được tên và địa chỉ của trường lớp , một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường.	- Trường mầm non thân yêu - Lớp mẫu giáo thân thương - Tên, công việc của cô giáo và các cô bác trong trường - Các hoạt động của trường mầm non - Cô giáo của em Trả lời các thông tin về tên, công việc của cô giáo, bác bảo vệ, cô nuôi, các cô ban giám hiệu... khi được hỏi, trò chuyện.
28. Trẻ biết được một số nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương Diễn châu.	* Khám phá một số nghề: tên gọi, công cụ, sản phẩm, ý nghĩa của nghề nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Bé yêu bác nông dân - Chú cảnh sát, công an - Bé thích làm bác sỹ - Cô y tá - Bé thích làm cô giáo - Cháu yêu cô chú công nhân - Nghề dịch vụ - Bé thích làm đẹp * Khám phá các nghành nghề truyền thống của địa phương Diễn châu: - Nghề đánh cá - Nghề làm bánh tráng… - Nghề nuôi tôm - Mời những người làm nghề làm bánh ở địa phương xã Diễn Châu về trường trò chuyện với trẻ.
29. Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội, ***kể tên và nói đặc điểm của lế hội truyền thống***	* Lễ hội: - Ngày khai giảng năm học mới - Bé vui đón tết trung thu

của Diên Châu, Nghệ An	- Ngày vui của bà, của mẹ 20/10 - Vui ngày hội cô giáo 20/11 - Mừng ngày Tết của chú Bộ đội 22/12 - Ngày lễ noel 25/12 - Ngày tết và mùa xuân quê em - Lễ hội đền cuông - Vui ngày hội 8/3 - Mừng sinh nhật Bác 19/5 - Các hoạt động chương trình lễ hội: trung thu trong mắt bé; gói bánh chưng, lăn bánh cà ngày Tết cổ truyền; làm quà tặng bà và mẹ… - Khám phá một số lễ hội truyền thống ở Diễn châu, Nghệ an : Lễ hội đền cuông; lễ hội đền sò(Xã Diễn Châu);
30.Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương, quê hương, đất nước.	* Di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh: Tên gọi, đặc điểm, nét đặc trưng của các danh lam, thắng cảnh ở địa phương: - Biển Diễn thành, Lèn hai vai, chùa cổ am, đền cuông; Khu du lịch sinh thái Mường Thanh; Hòn nhạn - Diễn châu quê hương em - Biển cửa lò; Đảo ngư; Bãi lữ - Quảng trường Hồ Chí Minh - Quê Bác... * Khám phá một số danh lam thắng cảnh của Đất nước: Lăng Bác, Tràng An, Ninh Bình, Cố đô Huế, Phong Nha Kẻ bàng... - Việt nam quê hương em
31. Nhận biết một số vùng biển và hải đảo quê hương, đất nước	- Xem hình ảnh qua băng đĩa, biên diễn thành, biển cửa lò, biển quỳnh lưu, biển nha trang, biển xuân thành, biển đà nẵng - Đảo trường sa, hoàng sa....đảo mắt, đảo ngư.....
c. ***Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về toán***	
32. Trẻ nhận biết tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.	- Quan tâm đến chữ số , số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi : Bao nhiêu? Là số mấy? - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 - Sử dụng các số từ 1-5, để chỉ số lượng, số thứ tự - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. (Số nhà , biển số xe, ...) + Đếm đến 6 nhận biết nhóm có 6 đối tượng

	+ Đếm đến 7 nhận biết nhóm có7 đối tượng + Đếm đến 8 nhận biết nhóm có 8 đối tượng + Đếm đến 9 nhận biết nhóm có 9 đối tượng + Đếm đến 10 nhận biết nhóm có 10 đối tượng
33.Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10; So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10; So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - Nhận biết và sử dụng các chữ số 1-5 để chỉ số lượng + Số 1, 2 + Số 3 tiết 1- tiết 2 + Số 4 tiết 1- tiết 2 + Số 5 tiết 1 - tiết 2 ***Luyện đếm trong các hoạt động ứng dụng Steam***
34.Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn và nói được kết quả	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm - Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn - Số 3 tiết 3 - Số 4 tiết 3 - Số 5 Tiết 3
35.Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	- Xếp tương ứng 1-1 - Ghép đôi - Sắp xếp theo qui tắc: Tìm quy tắc sắp xếp của các vật dụng hàng ngày, nhận ra qui tắc sắp xếp, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.
36. Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo - Nhận biết mục đích của phép đo - So sánh kích thước, chiều cao, chiều rộng, chiều dài của 2-3 đối tượng - Sắp xếp 3 đối tượng theo sự tăng dần hoặc giảm về kích thước. ***- Đo độ dài các sản phẩm, nguyên liệu trong các hoạt động ứng dụng Steam***
37. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,....); Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: tròn và tam giác, vuông và chữ nhật - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau ***Hoạt động ứng dụng steam: Lắp ghép các hình***

	hình học
38. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định phía phải, phía trái của bản thân - Xác định phái trên, phía dưới, phía trước, phía sau của đồ vật so với bản thân trẻ - Xác định phái trên, phía dưới, phía trước, phía sau của đồ vật so với bản thân trẻ; so với bạn khác
39. Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối
3. Lĩnh vực giáo dục phát triển ngôn ngữ	
a. Nghe và hiểu lời nói	
40.Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	Lắng nghe, hiểu và thực hiện được 2, 3 yêu cầu ví dụ: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng".
41.Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ…	- Các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, các loại rau, củ, quả, con vật.. và các từ biểu cảm. - Giải nghĩa một số từ với sự giúp đỡ của người khác
42. Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
b. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
43.Trẻ biết nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Phát âm các tiếng có chứa âm khó - Nói rõ ràng để người nghe có thể hiểu được - Diễn đạt ý tưởng, trả lời được theo ý câu hỏi - Tốc độ, âm lượng phù hợp với người nghe.
44. Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,…	Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,… - KNS: Học cách chào hỏi thưa gửi lễ phép - KNS: Bé làm gì khi được tặng quà - KNS: Bé biết nói lời cảm ơn, xin lỗi
45. Trẻ biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	- Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hằng ngày - Trả lời được các câu hỏi: Ai? Cái gì? ở đâu? Khi nào?..

46. Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết của truyện đã được nghe. - Kể lại các sự việc hiện tượng đã gặp, đã xảy ra. - Kể lại các sự việc theo trình tự thời gian - Phát âm rõ ràng nói đủ câu kể lại trình tự sự việc. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào, để làm gì?
47. Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc	+ **Chủ đề:** Trường Mầm non: Truyện: Món quà của cô giáo(Tú Anh), thỏ trắng biết lỗi, Ai quan trọng nhất + **Chủ đề:** Bản thân: Truyện: Cậu bé mũi dài (Lê Thu Hương và Lê Thị Đức sưu tầm), Gấu con bị sâu răng (Phỏng theo lời dịch của Tạ Thị Liên) + **Chủ đề**: Gia đình: Truyện: Tích chu, Cây khế + **Chủ đề:** Nghề nghiệp: Truyện: Người làm vườn và các con trai; Thần sắt; + **Chủ đề**: Động vật: Truyện**:** Cáo thỏ và gà trống; Chuột, gà trống và mèo(Thúy Toàn dịch), Chú dê đen, Dê con nhanh trí. + **Chủ đề**: Thực vật: Truyện: Sự tích mùa xuân; Trái cây trong vườn; Cây táo thân; Cây rau của thỏ út; Sự tích hoa mào gà + **Chủ đề**: Giao thông: Truyện: Kiến con đi xe ô tô, Kiến con thi an toàn giao thông; Giúp bà... + **Chủ đề:** Nước và hiện tượng tự nhiên: Truyện: Giọt nước tý xíu, Đám mây xấu xí, Cóc kiện trời + **Chủ đề**: Quê hương- Đất nước- bác Hồ: Truyện: Thánh gióng, Quả táo của Bác Hồ
48 Bắt chước được giọng nói, điệu bộ, mô tả hành động của nhân vật trong tranh.	- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện - Diễn rối - Dạy trẻ tham gia đóng kịch
49 Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được, phù hợp với tình huống giao tiếp - Điều chỉnh giọng nói , cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh khi được nhắc nhỡ.
50. Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	**LQVVH:** **+ Chủ đề:** Trường Mầm non: **Thơ:** Tình bạn (Trần Thị Hương), Gà học chữ, Trăng sáng, Giờ

	chơi của bé(Phạm Thụy Quỳnh Anh) Nghe lời cô giáo(Nguyễn Văn Chương); Cô giáo của con(Chu Huy), Tình bạn(Việt Quỳnh). + **Chủ đề:** Bản thân: Thơ: Đôi tay của bé, Mắt để làm gì (Phạm Hổ) , Miệng xinh(Phạm Hổ); Cái lưỡi(Lê Thị Mỹ Phương); + **Chủ đề**: Gia đình: Thơ: Lấy tăm cho bà (Định Hải); Bó hoa tặng cô, Thăm nhà bà(Như Mao**);** , Quạt cho Bà ngủ(Thạc Quỳ) + **Chủ đề:** Nghề nghiệp: Thơ: Làm bác sỹ (Lê Ngân); Chú giải phóng quân (Cẩm Thơ); Bé làm bao nhiêu nghề (Yên Thao); Cái bát xinh xinh (Thanh Hòa); + **Chủ đề**: Động vật: Thơ: Con vỏi con voi (Đồng dao); (Nguyễn Hồng Kiên), Ong và bướm, Gà mẹ đếm con, Đồng dao về các loài vật. + **Chủ đề**: Thực vật: Thơ: Cây bàng (Xuân Quỳnh); Bó hoa tặng cô, Bác bầu bác bí; Tết đang vào nhà; Hoa mào gà (Thanh Hào); Rau ngót rau đay (Hồng Thu sưu tầm), hoa đào. + **Chủ đề**: Giao thông: Thơ: Xe Cần cẩu (Nguyễn Đức), Thuyền Giấy(Sưu tầm), Đàn kiến nó đi (Định Hải), Bé tập đi xe đạp; Giúp bà (Hoàng Thị Phảng), Chú cảnh sát giao thông Sưu Tầm) + **Chủ đề:** Nước và hiện tượng tự nhiên: Thơ: Gió (Đặng Hấn); Mùa hè của em(Tuyết Hoa phỏng Trăng ơi từ đâu đến(Trần Đăng Khoa), Ông mặt trời, trăng sáng(Nhược Thủy- Phương Hoa), Mùa hạ tuyệt vời (Phạm Hưng Long) + **Chủ đề**: Quê hương- Đất nước- bác Hồ Thơ: Ai dậy sớm (Võ Quảng), Quê em vùng biển, Buổi sáng; Bác thăm nhà cháu; Bác Hồ của em, Về quê (Nguyễn Lãm Thắng),… + Ca dao, đồng dao - Tay đẹp - Chú cuội - Dung giăng dung dẻ, - Mèo đuổi chuột - Đi cầu đi quán - Chồng nụ chồng hoa - Con cò - Ca dao về tình cảm gia đình...
c. Làm quen với việc đọc viết.	
51. Trẻ biết chọn sách để xem	- Chon sách theo chủ đề nào đó khi được yêu cầu

	- Giữ gìn bảo vệ sách - Tổ chức các hoạt động xem sách, "đọc" sách tại góc sách truyện, tại thư viện chung - Tổ chức ngày hội "đọc" sách (ngày 21/04/2025)
52.Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	- Xem sách tranh và mô tả hành động nhân vật trong tranh.
53.Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. "đọc" sách theo tranh minh họa.	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và đọc truyện, kể lại truyện theo tranh cho bạn, người khác nghe qua lời nói. - Trẻ tự "đọc" đọc sách, đọc truyện qua tranh vẽ theo ý thích (đọc vẹt) - Hướng đọc,viết từ trái sang phải, Từ dòng trên xuống dòng dưới .Đọc ngắt nghỉ sau mỗi dấu chấm. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
54. Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm	- Một số kí hiệu thông thường: Không hút thuốc, cấm lửa, nhà vệ sinh trai, gái; lối thoát hiểm, cấm lửa... - Một số kí hiệu, biển báo giao thông: Ngược chiều, biển dành cho người đi bộ, đèn giao thông, biển rẽ phải...
55. Trẻ biết sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..	Sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,.. - Tập tô, đồ các nét chữ - "Viết" kí hiệu cá nhân vào sản phẩm tạo hình, sản phẩm ứng dụng Stem - "Viết" kí hiệu vào các sản phẩm: vé tàu, đơn thuốc, thiệp chúc mừng...
4. Lĩnh vực giáo dục phát triển thẩm mỹ	
56. Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
57. Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc). Nghe hát và hưởng ứng theo các làn điệu dân ca ví dặm Nghệ Tĩnh - Thích nghe, hát theo, hát được một số bài hát tiếng anh đơn giản, phù	*** Nghe hát:** - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). + **Chủ đề:** Trường Mầm non: Nghe hát: Đi học (Nhạc: Bùi Đình Thảo, Lời: Minh Chính- Bùi Đình Thảo), Trường làng tôi, Cô giáo (Nhạc: Đỗ mạnh Thường, Lời thơ: Nguyễn Hữu Tưởng),

hợp với lứa tuổi	Chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên), Ánh trăng hòa bình (Nhạc: Hồ Bắc, Lời: Mộng lân) + **Chủ đề:** Bản thân: Nghe hát: Ru con (Dân ca Tày, Dịch lời: Nguyễn Ngọc Oánh), Cho con (Nhạc: Phạm Trọng Cầu, Lời: Tuấn Dũng), Trái đất này là của chúng mình (Nhạc: Trương quang Lục, Lời thơ: Định Hải); Bàn tay mẹ (Bùi Đình Thảo); Dân ca tự chọn + **Chủ đề**: Gia đình: Nghe hát: Chỉ có một trên đời, Tâm tình cô giáo mầm non, Cho con (Nhạc: Phạm Trọng Cầu, Lời: Tuấn Dũng); Niềm vui gia đình (Hoàng Vân), Bố là tất cả (Thập Nhất); Bài ca người giáo viên nhân dân (Nguyễn Minh Châu), Cô giáo Bàn tay mẹ (Nhạc: Bùi Đình Thảo, lời thơ: Tạ Hữu Yến) , Dân ca tự chọn. + **Chủ đề:** Nghề nghiệp: Nghe hát: Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu); Em đưa cơm cho mẹ em đi cày (Hàn Ngọc Bích), Ước mơ xanh (Lệ Giang); Màu áo chú bộ đội (Nguyễn Văn Tý), xe chỉ luồn kim + **Chủ đề**: Động vật: Nghe hát: Gà gáy le te (Dân ca Cống Khao, Lời mới: Huy Trân); Chi ong nâu và em bé (Tân Huyền), Tôm, cá, cua thi tài (Hoàng Thị Dinh); Lý con sáo (Dân ca nam bộ); Lý hoài nam (Dân ca Quảng Trị- Thừa Thiên); + **Chủ đề**: Thực vật: Nghe hát: Lý cây bông (Dân ca Nam bộ), Lý chiều chiều (Dân ca nam bộ); Đuổi chim (Nhạc: Việt Anh, Lời: Nhược Thủy); Em thêm một tuổi (Trương Quang Lục); Chúc xuân(Đinh Trung Chính), Mùa xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiện); Ngày vui 8/3 (Hoàng Văn Yến); Hoa thơm bướm lượn (Dân ca Quan họ Bắc Ninh) + **Chủ đề**: Giao thông: Nghe hát: Những con đường em yêu (Hoàng Văn Yến); Bài ca cảnh sát giao thông (Trần Gia Cường), Ngồi tựa mạn thuyền (Dân ca Quan họ Bắc Ninh); Anh phi công ơi (Nhạc: Xuân Giao, Lời thơ: Xuân Quỳnh); Dân ca tự chọn + **Chủ đề:** Nước và hiện tượng tự nhiên: Nghe hát: Mưa rơi (Dân ca Xá); Bèo dạt mây trôi (Dân ca Quan họ Bắc Ninh) Dân ca tự chọn,…Phao bơi, Con kênh xanh xanh; Hạt nắng hạt mưa, Mưa rơi(Dân ca Xá), Ánh trăng hòa bình(Nhạc Hồ Bắc, Lời: Mộng Lân), Bốn mùa(Hoàng

	Long), Bé và trăng (Bùi Anh Tôn); Tôi là gió(Trịnh Tuấn Khanh) + **Chủ đề**: Quê hương- Đất nước- bác Hồ Nghe hát: Em đi trong tươi xanh (Vũ Thanh); Em đi giữa biển vàng (Bùi Đình Thảo, Quê hương (Nhạc: Giáp Văn Thạch, Lời thơ: Đỗ trung Quân); Em là chim câu trắng (Trần ngọc); Dân ca về Diễn Trung quê em. Nhớ giọng hát Bác Hồ; Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng (Phong Nhã),… - Dân ca tự chọn. - Nghe hát một số làn điệu dân ca Nghệ Tĩnh và hưởng ứng cùng cô - Trẻ nghe các bài hát bằng tiếng Anh thông qua băng đĩa trong các giờ đón, trả trẻ. Thông qua các giờ học một số bài hát quen thuộc như: 1. Alphabet Song. 2. Happy Birthday. 3. Finger Family. 4. Jingle Bells. 5. Twinkle Twinkle Little Star. 6. Hello Song. 7. Goodbye Song. 8. If You're happy….
58. Trẻ thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	Nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; nghe, kể câu chuyện và bộc lộ cảm xúc phù hợp. (điệu bộ cử chỉ minh họa)
59. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thê hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. + **Chủ đề:** Trường Mầm non: Vui đến trường (Hồ Bắc), Trường chúng cháu đây là trường mầm non (Phạm Tuyên), Hoa trường em (Dương Hưng Bang), Rước đèn dưới trăng (Phạm tuyên) . + **Chủ đề:** Bản thân: Cái mũi (nhạc Anh), Càng lớn càng ngoan (Đức Bằng), Mừng sinh nhật; Nắm tay thân thiết (Nhạc nước ngoài), Mời bạn ăn (Trần Ngọc)Bạn ở đâu?; Hãy xoay nào, Cái mũi, Mời bạn ăn, Bạn có biết tên tôi ? (Lê Đức-Thu Hiền) Mừng sinh nhật(Nhạc Anh, Lời Đào Ngọc Dung) + **Chủ đề**: Gia đình: Bé quét nhà (Hà Đức Hậu); Nhà của tôi; Cô và mẹ (Phạm Tuyên) Cả nhà đều yêu(Bùi Anh Tôn), Nhà của tôi(Thu Hiền), Mẹ Đi Vắng(Nhạc Trịnh Công Sơn- Lời Nguyễn
60. Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	

	Quang Dũng. + **Chủ đề:** Nghề nghiệp: Bé quét nhà (Hà Đức Hậu), Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền); Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng văn Yến); Ba em là công nhân lái xe (Lê Văn Lộc); Chú bộ đội đi xa (Hoàng Vân); Cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yến). + **Chủ đề**: Động vật: Thương con mèo (Huy Du) ; Vì sao chim hay hót (Hà Hải); Cá vàng bơi (Hà Hải); Đố bạn biết?; Voi làm xiếc (Nhạc Anh) + **Chủ đề**: Thực vật: Lý cây xanh (Dân ca Nam Bộ); Cây bắp cải (Nhạc: Thu Hồng, Lời: Phạm Hổ); Bông hoa mừng cô (Trần Thị Duyên); Quả (Xanh Xanh); Hoa kết trái (Phạm Thị Sửu), Tết đến rồi (Nguyễn Văn Hiên); Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân) Quà mồng 8/3 (Hoàng Long). **+ Chủ đề**: Giao thông: Lái ô tô (Đoàn Phi); Đèn xanh đèn đỏ (Nhạc: Lương Vĩnh, Ý thơ: Thế Hội); Đường em đi (Nhạc; Ngô Quốc Tính, Lời thơ: Tường Vân); Em đi chơi thuyền (Trần Kiết Tường), Lái máy bay. + **Chủ đề:** Nước và hiện tượng tự nhiên: Cho tôi đi làm mưa với (Hoàng Hà); Đếm sao (Văn Chung); Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích), Hè đến (Nguyễn Thị Nhung), Mùa hè đến(Nguyễn Thị Nhung) **+ Chủ đề**: Quê hương- Đất nước- bác Hồ: Quê hương tươi đẹp; Lá cờ nhỏ (Tạ Quang Thắng); Em yêu thủ đô (Bảo Trọng); Nhớ ơn Bác (Phan Huỳnh Điểu) Dân ca nghệ An. - Biểu diễn văn nghệ.
61.Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	**Chủ đề: Trường mầm non** + Vẽ đồ chơi trong lớp học + Vẽ, tô màu hoa trong vườn trường + Tô màu cô giáo và các bạn + Vẽ đồ chơi trong lớp học + Vẽ đêm trăng + Ứng dụng steam: Thiết kế Thiệp tặng cô giáo **Chủ đề: Bản thân** + Vẽ, tô màu khuôn mặt bạn **Chủ đề: Gia đình** + Vẽ người thân trong gia đình + Vẽ tô màu ngôi nhà **Chủ đề: Ngành nghề** - Vẽ, tô màu chú cảnh sát giao thông

	- Vẽ tranh tặng chú bộ đội **Chủ đề: Động vật** - Vẽ con bướm + Vẽ con mèo **Chủ đề: TGTV - Tết và mùa xuân** + Vẽ, tô màu cây xanh + Vẽ, tô màu rau, củ quả bé thích + Vẽ vườn hoa mùa xuân + Vẽ hàng cây + Xé dán đĩa quả **Chủ đề: Phương tiện và quy định giao thông** - Vẽ tàu hỏa + Vẽ, tô màu ô tô + Vẽ thuyền buồm **Chủ đề: Nước và HTTN** - Vẽ cầu vồng + Vẽ tô màu cảnh mùa hè + Ứng dụng steam: Thiết kế làm áo phao **Chủ đề: Quê hương - Đất nước - Bác Hồ** - Vẽ phong cảnh quê hương em - Vẽ thuyền và biển - Vẽ hoa tặng sinh nhật bác - Vẽ lăng bác
62.Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	**Chủ đề: Trường mầm non** + Cắt dán hàng rào trường mầm non **Chủ đề: Bản thân** + Cắt dán các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc + Cắt dán đôi tất **Chủ đề: Gia đình** - Cắt dán ngôi nhà **Chủ đề: Ngành nghề** - Gấp và cắt dán phong bì + Cắt, dán cái thang cho chú công nhân **Chủ đề: Động vật** + Cắt dán động vật sống dưới nước **Chủ đề: TGTV - Tết và mùa xuân** + Cắt dán trang trí cây thông + Cắt dán hoa ngày tết + Cắt, dán hoa. **Chủ đề: Phương tiện và quy định giao thông** + Cắt, dán đèn tín hiệu giao thông **Chủ đề: Nước và HTTN** - Cắt dán cầu vồng **Chủ đề: Quê hương - Đất nước - Bác Hồ** - Cắt dán hoa mừng sinh nhật Bác

	+ Cắt và dán cờ tổ quốc
63.Trẻ biết làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	**Chủ đề: Trường mầm non** + Nặn đồ dùng, đồ chơi **Chủ đề: Bản thân** + Nặn hình người **+** Nặn hình em bé tập thể dục **Chủ đề: Gia đình** + Nặn một số đồ dùng trong gia đình bé + Nặn bánh trôi nước **Chủ đề: Ngành nghề** + Nặn một số đồ dùng, dụng cụ, sản phẩm một số nghề. **Chủ đề: Động vật** + Nặn một số con vật bé thích **Chủ đề: TGTV - Tết và mùa xuân** + Nặn hoa, quả + Nặn củ cà rốt **Chủ đề: Phương tiện và quy định giao thông** - Nặn phương tiện giao thông **Chủ đề: Nước và HTTN** + Nặn cầu vồng **Chủ đề: Quê hương - Đất nước - Bác Hồ** + Nặn một số đặc sản quê hương + Nặn theo ý thích
64.Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm.	Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản **Chủ đề: Trường mầm non** + Xếp hình đồ dùng, đồ chơi **Chủ đề: Bản thân** + Xếp hình người thân trong gia đình, xếp hình bé trai, bé gái + Xếp bàn, ghế… **Chủ đề: Gia đình** - Làm bưu thiệp - Xếp hình ngôi nhà - Xếp hình khung ảnh gia đình bé **...** **Chủ đề: Ngành nghề** - Xếp hình một số đồ dùng, dụng cụ một số nghề bé thích... **Chủ đề: Động vật** - Xếp hình con vật bé thích - Xếp chuồng động vật **Chủ đề: TGTV - Tết và mùa xuân** - Xếp hình bé thích - Trang trí cành mai, cành đào

	Chủ đề: Phương tiện và quy định giao thông - Xếp hình bánh xe, đèn tín hiệu, biển báo giao thông, xếp hình PTGT bé thích **Chủ đề: Nước và HTTN** - Xếp hình chong chóng - Xếp hình theo ý thích **Chủ đề: Quê hương - Đất nước - Bác Hồ** - Xếp hình theo ý thích
65.Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	**Ứng dụng phương pháp steam** Sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm - Làm tranh, đồ dùng, đồ chơi sáng tạo bằng nguyên vật liệu, tranh tập thể, tranh chủ đề. - Sử dụng nguyên vật liệu thiên nhiên (Lá khô, sỏi, quả khô...), phế liệu (Len, ống hút...) tạo ra sản phẩm theo gợi ý của cô **Chủ đề: Trường mầm non** - Sử dụng các nguyên vật liệu để cắt dán tranh, làm đồ chơi về trường mầm non, làm đèn ông sao… - Ứng dụng steam: Làm đèn trung thu **Chủ đề: Bản thân** -Tạo hình người từ khăn, tạo hình khuôn mặt trên đá, đĩa CD. - Ứng dụng Steam: Làm quà tặng bạn - Ứng dụng steam: In hình bàn tay, bàn chân - Làm quà tặng bà, mẹ, cô giáo ngày 20/10 (Thí nghiệm đổi màu cánh hoa, thiết kế kẹp tóc, dây buộc tóc) **Chủ đề: Gia đình** - Sử dụng các nguyên vật liệu để làm đồ dùng về gia đình, làm nhà, làm người từ rơm rạ… - Làm quà tặng cô ngày 20/11 (Thiết kế hộp quà tặng cô giáo, thiết kế hoa từ giấy) **Chủ đề: Ngành nghề** + Làm một số đồ dùng, dụng cụ, sản phẩm từ các nguyên liệu + Làm quà tặng chú bộ đội + Ứng dụng steam: Làm cái quốc . **Chủ đề: Động vật** - Làm con vật từ nguyên vật liệu thiên nhiên, các nguyên vật liệu mở **Chủ đề: TGTV - Tết và mùa xuân** - Làm cành hoa mai, hoa đào, làm bánh chưng, bánh tét...

	+ Ứng dụng steam: Thiết kế bông hoa mùa xuân **Chủ đề: Phương tiện và quy định giao thông** Làm một số PTGT, biển số, biển báo giao thông từ nguyên liệu mở **Chủ đề: Nước và HTTN** Tạo hình từ nguyên liệu thiên nhiên : nhuôm sỏi , nhuôm cát , pha màu nước, in màu , làm chong chóng, phao bơi… + Ứng dụng steam: Thiết kế làm thuyền nổi trên mặt nước + Làm phao bơi **Chủ đề: Quê hương - Đất nước - Bác Hồ** Sử dụng các nguyên vật liệu để tạo ra một sô đặc sản quê hương , đất nước - Làm quà tặng sinh nhật Bác + Làm khung ảnh bác + Ứng dụng steam: Làm chiếc hộp đựng bút + Trang trí khung ảnh Bác Hồ.(Steam) * Tạo hình theo ý thích - Thực hiện các hoạt động ứng dụng Steam.
66. Trẻ biết nhận xét, nói lên ý tưởng tạo hình của mình , biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Nhận xét sản phẩm tạo hình, nói lên ý tưởng tạo hình của mình về màu sắc, hình dáng, đường nét - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình
67. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình	Sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi ngắm nhìn, chỉ, sờ... tác phẩm tạo hình
68. Trẻ thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (Âm nhạc, tạo hình)	- Lựa chọn dụng cụ và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát ,bản nhạc. - Tự sang tạo, vận động sao cho phù hợp với nhịp điệu âm nhạc - Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.
Lĩnh vực giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
69.Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	-**Trò chuyện sáng theo phương pháp unis** Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được
70.Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	Tự chọn các loại đồ chơi, trò chơi theo ý thích của mình.
71.Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).
72.Trẻ biết nhận biết và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ,	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh

qua tranh, ảnh.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. ***- KNS: Trẻ học cách vượt qua cảm giác giác tức giận và khó chịu***
73.Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Xem tranh ảnh, video về Bác - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
74.Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình và nơi công cộng	Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường; Không ra khỏi khi không được phép của cô giáo...). - KNS: Những hành vi văn minh nơi công cộng
75. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. Chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và tcử chỉ lễ phép. - Phân biệt hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu". **- GDKNS: Dạy trẻ phân biệt đúng- sai**
76.Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt, hợp tác.
77. Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung	- Trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...)..
78. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. Không bẻ cành, bứt hoa	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
79. Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Tiết kiệm điện, nước - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối - KNS: Bỏ rác đúng nơi quy định - KNS: Bé học cách giữ gìn vệ sinh môi trường
80.Trẻ biết tiết kiệm điện nước	Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.
Tin học (Thực hiện trong các lĩnh vực PTNN, PTTM, PTNT)	
81. Tin học: Biết chơi, điều khiển các trò chơi trên máy tính, để chơi các trò chơi; chơi điều khiển các trò chơi ứng dụng STEAM	Thực hiện được một số thao tác với thiết bị công nghệ quen thuộc dưới sự hướng dẫn của người lớn: bật/tắt (đúng nhu cầu), sử dụng điều khiển/chuột máy tính để chơi các trò chơi.
Giáo dục tăng cường	
82. Tiếng Anh: (Ngoại ngữ): Nghe và trả lời được bằng cử chỉ, hành động, hoặc bằng 1-3 từ, một số mẫu câu đơn giản trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc	Nghe, nói, đọc, các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi trong phạm vi khoảng 100 từ, cụm từ; Nghe số từ 1 đến 10; - Nói 1-3 từ hoặc một số mẫu câu rất đơn giản,

với lứa tuổi và khi được hỏi về bản thân và gia đình đơn giản bằng tiếng anh.	quen thuộc khi được hỏi về bản thân và gia đình; - Nhắc lại một số câu vần, câu thơ rất đơn giản, quen thuộc; - Hát theo một số bài hát rất đơn giản, quen thuộc - Trả lời câu hỏi về một số tình tiết rất đơn giản của câu chuyện đã được nghe; - Xem truyện tranh và kể lại một số tình tiết của truyện theo tranh.
83. Múa, nhảy: Trẻ biết được các động tác múa nhảy, biết phối hợp với các bạn một cách nhịp nhàng để hoàn thành màn biểu diễn	- Nhảy erobic - Thực hiện các bài múa trong chương trình múa Các bài học trong chương trình "Múa": Các thế tay, chân cơ bản; thực hiện được 2-3 bài múa với các bài hát , bài học trong chương trình

Phụ lục 1

DỰ KIẾN KHUNG THỜI GIAN VÀ THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ NĂM HỌC 2026-2027 KHỐI MẪU GIÁO LỚN 5-6 TUỔI

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần thực hiện	Tuần
1	**Trường mầm non- Bé vui đón tết trung thu (3 Tuần)**	- Trường mầm non thân yêu	1	Từ ngày 7/9- 11/ 9/2026
		- Lớp học của bé	1	Từ ngày 14/ 9 - 18/ 9/2026
		- Vui hội trung thu	1	Từ ngày 21/ 9 - 25 /10/2026
2	**Bản thân- Ngày hội 20/10 (4 Tuần)**	- Bé tự giới thiệu về mình	1	Từ ngày 28/ 9 - 2 /10/2026
		- Bé lớn lên mỗi ngày	1	Từ ngày 5 /10 - 9/10 /2026
		- Giáo dục giới tính	1	Từ ngày 12 /10 - 16/10 /2026
		- Lời nói yêu thương "20/10"	1	Từ ngày 19/10 - 23/10/2026
3	**Gia đình thân yêu Ngày hội của cô giáo 20/11 (4 Tuần)**	- Mời bạn đến thăm gia đình tôi	1	Từ ngày 26/ 10/ - 30/10/2026
		- Ngày kỷ niệm đáng nhớ của GĐ	1	Từ ngày 2/11/ - 6/11/2026
		- Đồ dùng trong gia đình	1	Từ ngày 9/11/ - 13/11/2026
		- Ngày hội của cô 20/11	1	Từ ngày 16/11/ - 20/11/2026
4	**Lớn lên bé thích làm nghề gì? (5 Tuần)**	- Cô thợ may	1	Từ ngày 23/11/ - 27/11/2026
		- Làm bác sĩ	1	Từ ngày 30/11 / - 4/12/2026
		- Nghề xây dựng	1	Từ ngày 7/12/ - 11/12/2026
		- Nghề truyền thống ở địa phương	1	Từ ngày 14/12/ - 18/12/2026
		- Cháu yêu chú bộ đội 22/12	1	Từ ngày 21/12/ - 25/12/2026
5	**Những con vật đáng**	- Động vật nuôi trong gia đình	1	Từ ngày 28/12/ - 01/1/2027

	yêu (4 tuần) .	- Động vật sống dưới nước	1	Từ ngày 04/1/ - 08/1/2027
		- Động vật sống trong rừng	1	Từ ngày 11/1/ - 15/1/2027
		- Chim và côn trùng	1	Từ ngày 18/1/ - 22/1/2027
6	**Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân- Bé vui ngày hội 8/3 (5 Tuần)**	- Tết và Những bông hoa đẹp	1	Từ ngày 25/1/ - 29/1/2027
		- Nghỉ tết và ôn tập	1	Từ ngày 1 /2/ - 12/2/2027
		- Bé yêu cây xanh	1	Từ ngày 15/2/ - 19/2/2027
		- Một số loại rau		Từ ngày 22/2/ - 26/2/2027
		- Bé vui ngày hội 8/3	1	Từ ngày 1/3/ - 5/03/2027
		- Một số loại quả	1	Từ ngày 08/3/ - 12/03/2027
7	**Phương tiện và QĐGT (4 Tuần)**	- Phương tiện và quy định giao thông đường bộ - Đường sắt	1	Từ ngày 15/3/ - 19/03/2027
		- Một số biển báo quen thuộc và thực hành quy định giao thông đường bộ	1	Từ ngày 22/3/ - 26/03/2027
		- Phương tiện và qui định giao thông đường thủy	1	Từ ngày 29/ 3 - 2/ 4/2027
		- Phương tiện và qui định giao thông đường hàng không	1	Từ ngày 5/ 4 - 09/ 4/2027
8	**Nước và một số hiện tượng tự nhiên (3 Tuần)**	- Bé biết gì về nước	1	Từ ngày 12/ 4 - 16/ 4/2027
		- Một số hiện tượng tự nhiên	1	Từ ngày 19/4 - 23/4/2027
		- Mùa hè tuyệt vời	1	Từ ngày 26/4 - 30/4/2027
9	**Quê hương Đất nước Bác Hồ Trường tiểu học (3 Tuần)**	- Quê hương - Đất nước Việt nam	1	Từ ngày 03/5 - 7/5 /2027
		- Mừng sinh nhật Bác Hồ kính yêu	1	Từ ngày 10/5 - 14/ 5/2027
		- Trường tiểu học	1	Từ ngày 17/5- 21/5/2027

Cộng		**35 tuần**	

2. KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ ĐỘ TUỔI: 5 - 6 TUỔI

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiên	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	***a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:*** - Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Tỉ lệ năng lượng khuyến nghị do bữa ăn bán trú cung cấp so với nhu cầu cả ngày là 50-55%. Trong đó: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: + Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%- 20% năng lượng khẩu phần. + Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần. + Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kĩ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như	CBQL, Giáo viên, nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay… nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. Các món ăn của thực đơn không lặp lại trong 2 tuần. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. ***b. Chăm sóc bữa ăn*** ** Trước khi ăn:* - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau ... - Cho trẻ tự kê bàn ăn, trải khăn, sắp ghế theo nề nếp. - Tổ chức cho trẻ tự rửa tay bằng xà phòng, lau mặt trước khi ăn. - Cho trẻ đi vệ sinh nếu có nhu cầu. ** Trong khi ăn:* - Giáo viên thực hiện nhiệm vụ chia cơm cho trẻ. - Sau khi chia xong, thức ăn chuyển cho trẻ ăn phải có nhiệt độ phù hợp, không được quá nóng sẽ gây bỏng trẻ. Vào mùa đông, cần đảm bảo giữ nhiệt độ thức ăn còn ấm cho đến thời điểm trẻ ăn. - Trẻ xếp hàng nhận cơm, sau đó đi về chỗ ngồi đã được phân công để ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ.		

	- Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kĩ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ ** Sau khi ăn:* - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Đánh răng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp. - Cho trẻ vận động nhẹ nhàng sau bữa ăn để phòng tránh trào ngược thức ăn.		
2. Tổ chức giấc ngủ	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). **** Trước lúc cho trẻ ngủ:*** - Sau khi cô lau xong sàn nhà, cháu có thể tham gia chuẩn bị đồ dùng để ngủ như trải sạp ngủ, đi lấy gối, chăn… - Cô sắp xếp phòng ngủ gọn gàng sạch sẽ, yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm	- Giáo viên nhóm/ lớp	

	áp về mùa đông, phòng ngủ được giảm ánh sáng bằng cách đóng bớt 1 số cửa, tắt bớt đèn. - Kiểm tra xem trẻ đã vệ sinh răng miệng, uống nước chưa, có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen đánh răng, uống nước trước khi đi ngủ. - Cho trẻ đi vệ sinh trước khi ngủ giúp trẻ ngủ ngon hơn, không dậy đi vệ sinh giữa chừng ảnh hưởng đến giấc nhủ của trẻ và trẻ bên cạnh. - Cởi bớt quần áo nếu cần (đối với mùa đông). - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. - Sau bữa ăn trưa khoảng 30 phút cô có thể cho trẻ lên ngủ. **** Trong khi ngủ*** - Trẻ khó ngủ, trẻ yếu cho nằm riêng gần cô - Trẻ béo phì cho nằm cách xa các bạn khác - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xẩy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác. - Cô giáo nên cho trẻ nghe hát ru hay nhạc nhẹ giúp trẻ dề ngủ hơn. **** Sau khi thức dậy*** - Cho trẻ thức dậy lần lượt. Cho trẻ tập một số động tác nhẹ nhàng sau khi thức giấc. Giúp trẻ lấy lại cân bằng, tỉnh táo hơn. Đặc biệt mùa đông tập nhẹ nhàng sau khi thức dậy giúp cơ thể trẻ ấm hơn sau khi ra khỏi chăn. - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngái ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngọt làm		

	ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.		
3. Tổ chức vệ sinh	***a.Vệ sinh cô:*** - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm ***b. Vệ sinh cá nhân trẻ*** - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm nhắc phụ huynh vệ sinh sạch sẽ cho trẻ hàng ngày, đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết. - Trong trường hợp trẻ lỡ bây bẩn giáo viên phải tắm, rửa cho trẻ sạch sẽ. Đặc biệt mùa đông khi tắm, rửa cho trẻ phải sử dụng nước ấm. - Trong thời điểm dịch bệnh covid đang diễn ra phức tạp yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; Cho trẻ rửa tay sát khuẩn;	- Giáo viên - Trẻ - Giáo viên - Trẻ	

	Cho trẻ đánh răng; Giáo viên có thể pha nước muối thoảng để tại lớp cho trẻ súc miệng. - Tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa, đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng. ***c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp*** ** Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:* - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để chất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Khăn mặt của trẻ hằng ngày giặt bằng xà phòng diệt khuẩn, hấp/sấy bằng tủ chuyên dụng hoặc phơi khô. Với các cơ sở giáo dục mầm non không có tủ hấp/sấy chuyên dụng, mỗi tuần giặt khăn bằng nước nóng ít nhất 2 lần. Thời điểm có nguy cơ dịch bệnh, mỗi ngày đều phải giặt khăn bằng nước nóng. - Đối với bàn, ghế, sạp ngủ hằng ngày lau bằng khăn ẩm, cuối tuần vệ sinh bằng xà phòng, phơi nắng tùy theo điều kiện thực tiễn. Rửa ngay khi dính phân, nước tiểu của trẻ; - Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bệt vệ sinh của trẻ dùng dung dịch sát	- Giáo viên - Nhân viên - Bảo vệ - Phụ huynh	

	khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kĩ năng vệ sinh + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ (trẻ mẫu giáo). ** Xử lý rác và nước thải trong nhà trường* - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khăn ố màu phải kiểm tra và xử lý ngồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	***a. Chăm sóc sức khỏe*** ** Khám sức khỏe* - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Nhà trưởng tổ chức khám sức khỏe	- Cán bộ quản lý - Giáo viên phụ trách nhóm lớp - Trạm y tế xã, - Phụ huynh	

	cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe ** Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.* - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao - Theo dõi cân nặng và chiều cao 3 tháng 1 lần (vào tháng 9, 12/2023 và tháng 3/2024); - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ. - Trẻ từ 61 đến 78 tháng tuổi theo dõi 3 loại biểu đồ: Ngoài việc theo dõi biểu đồ đánh giá về cân nặng, chiều cao thì có biểu đồ BMI *(Lưu ý trẻ đủ 61 tháng tuổi trở lên mới theo dõi chỉ số BMI năm 2 lần vào tháng 12/2023 và tháng 3/2024)*. Đây là nội dung quan trọng ảnh hưởng đến phát triển thể chất sau này nên cần phải thực hiện chính xác trong thực hiện cân, đo cho trẻ ***b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:*** - Phối hợp với trung tâm y tế tuyền truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xẩy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi tại trường nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu…) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. ***c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị***		

	ốm - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viên đường hô hấp, tiêu chảy ...) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy. - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, Cồn iốt loãng 2,5%). + Thuốc hạ sốt. + OERSOL. + Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị mệt phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. ***d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp*** - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý phòng chống dịch Covid- 19. - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
5. Chăm	Để đảm bảo quyền lợi và chế độ chính	- CBQL, giáo viên, phụ	

sóc trẻ khuyết tật *(nếu có)*	sách cho trẻ thì nhà trường phải tuyên truyền hướng dẫn cho gia đình làm HS cho trẻ để trẻ được quan tâm, chăm sóc để phát triển những khiếm khuyết của cơ thể trẻ. - Đối với những nhóm lớp có trẻ khuyết tật, giáo viên phải nắm rõ mức độ khuyết tật của trẻ; tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ + Sự phát triển về thể chất + Khả năng ngôn ngữ và giao tiếp + Khả năng nhận thức + Quan hệ xã hội + Môi trường phát triển của trẻ - Xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả đặc biệt là làm tốt công tác tuyên truyền phối hợp với gia đình, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương để thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc GD trẻ hòa nhập.	huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương và cộng đồng	

3. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TRẺ 5-6 TUỔI

Mục tiêu	Nội dung
1. Phát triển thể chất	
d. GD dinh dưỡng- sức khỏe	
1.Chiều cao cân nặng của trẻ phát triển bình thường theo độ tuổi Trẻ khoẻ mạnh, cơ thể phát triển cân đối, cận nặng đạt: Trẻ trai: + Cân nặng từ 16 - 26.6 kg + Chiều cao từ 106.4 - 125.8 cm Trẻ gái: + Cân nặng từ 15 - 26.2 kg + Chiều cao từ 104.8 - 124.5 cm	- Ăn uông đủ chất dinh dưỡng hợp lý - Tập các bài tập thể dục thường xuyên - Cân đo, theo dõi qua biểu đồ tăng trưởng - Khám sức khoẻ định kỳ. - Chế độ, bài tập để phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

2.Trẻ biết được một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe, không ăn, uống một số thứ hại cho sức khỏe - Thực hiện ăn uống đầy đủ (ăn đủ chất, đủ lượng, đa dạng thực phẩm), sạch sẽ (bảo đảm vệ sinh) và lành mạnh (có lợi cho sức khoẻ, phòng, tránh đồ ăn gây dị ứng cho bản thân);(CS11)	-.Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: +Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả… - Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... - Ăn nhiều loại thức ăn có lợi cho sức khỏe, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe ***- KNS:Những thức ăn, đồ uống có hại với cơ thể bé***
3.Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống và vệ sinh phòng bệnh	* Một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. * Một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: +Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. +Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. +Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... + Đeo khẩu trang, che miệng khi ho, hắt hơi. +Đi vệ sinh đúng nơi quy định. +Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.
4. Trẻ thực hiện một số việc đơn giản. - Thực hiện các yêu cầu giữ vệ sinh cá nhân, đồ dùng và môi trường sống gần gũi. (CS12)	- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. Tự mặc trang phục phù hợp với thời tiết, lao động tự phục vụ - Tập làm công việc tự phục vụ: Tự thay quần, áo

	khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Cài, cởi cúc, kéo khóa, xâu, luồn, buộc dây. - Tự xúc cơm ăn gọn gàng, tự xới cơm, chan canh vào bát, biết lấy cốc rót nước uống không tràn ra ngoài. - **GDKNS:** Kỹ năng tự phục vụ: Gấp quần áo - **GDKNS:** Kỹ năng gấp chăn gọn gàng
5 Trẻ biết một số nguy cơ và một số trường hợp không an toàn, không chơi những nơi mất vệ sinh. - Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm biết gọi số điện thoại gia đình người thân, hỏi, gọi khi bị lạc.	* **Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.** + Không thò tay và ổ điện, bàn là khi đang nóng, phích nước nóng + Không leo trèo bàn ghế, lan can + Không cười đùa khi ăn uống, không tự ý lấy thuốc uống + Không ăn quả lạ gây ngộ độc, không nên uống rượu bia- cà phê. + Nhà vệ sinh, hố rác, chuồng nuoi con vật không có rào chắn an toàn.. + Phân biệt được nơi bẩn và sạch. + Phân biệt được nơi nguy hiểm (gần hồ / ao / sông / suối/ vực/ ổ điện...) và không nguy hiểm. + Chơi ở nơi sạch và an toàn *** Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.** + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. + Có cháy, có người bị rơi xuống nước, ngã chảy máu. Chờ người giúp đỡ khi bị lạc nói được tên địa chỉ gia đình số điện thoại. + Biết gọi điện cho đường dây nóng113,114,115, 111(bảo vệ trẻ em) Trò chơi : Bé Lạc đường - **KNS:** Làm gì khi bị lạc, Không nhận quà và đi theo người lạ..... - Bé phòng tránh đuối nước - **KNS:** Kỹ năng thoát hiểm khi có cháy
6. Nhận ra một số dấu hiệu bất thường của cơ thể và thông báo với người khác (cảm thấy mỏi mệt, đau, mẩn ngứa, buồn nôn ...). (CS15)	Nhận biết **một số dấu hiệu dễ nhận ra**: – **Mệt mỏi**: Con không muốn chạy nhảy, thấy người rã rời. – **Đau**: đau bụng, đau đầu, đau răng, đau tay/chân. – **Mẩn ngứa**: da nổi đỏ, ngứa nhiều. – **Buồn nôn**: cảm giác khó chịu trong bụng, muốn ói.

	– **Sốt hoặc ớn lạnh**: người nóng, toát mồ hôi hoặc run rẩy. **Kỹ năng cần rèn**: – Khi có cảm giác trên, trẻ cần **nói ngay**: "Cô ơi, con bị đau bụng." "Mẹ ơi, con thấy ngứa…." – Không tự ý bôi thuốc, không giấu cảm giác.
7.. Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.	Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
b.Phát triển vận động	
8. Trẻ thực hiện thuần thục các động tác của bài tập theo hiệu lệnh hoặc nhịp của bản nhạc/bài hát, phát triển nhóm cơ và hô hấp	- Tập các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp - **Hô hấ**p: Hít vào thở ra. **- Tay:** + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - **Lưng**, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. **- Chân:** + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
9. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động : Đi, chạy	*** Đi và chạy :** - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuỵu gối - Đi nối bàn chân tiến, lùi. - Đi trên dây (dây đặt trên sàn) - Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m - Đi trên ván kê dốc (dài 2m, rộng 0,03m) một đầu

	kê cao 0,03m. - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát - Chạy chậm khoảng 100-120m - Chạy nhấc cao đùi 4 - 4,5m - Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian - Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh. - Chạy 18 m trong khoảng 10 giây
10. Trẻ kiểm soát được vận động: bò, trườn, trèo, bật, nhảy	**** Bò, trườn, trèo:*** + Bò dích dắc qua 7 điểm. + Bò dích dắc bằng bàn tay, bàn chân qua 5 hộp cách nhau 60cm + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. + Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m- 5m + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài1,5m x 30cm. + Trèo lên xuống 7 gióng thang **** Bật - nhảy:*** - Bật xa 40 - 50 cm. - Bật liên tục vào vòng. + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản cao 15-20 cm + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). + Nhảy lò cò 5m
11. Trẻ phối hợp tay mắt trong vận động : Tung, đập, ném , chuyền, lăn, bắt bóng	*** Tung, đập, ném , chuyền, lăn, bắt bóng** - Tung bóng lên cao và bắt - Đập bóng xuống sàn và bắt bóng - Tung, đập bắt bóng tại chỗ. - Đi và đập bắt bóng - Lăn bóng bằng hai tay và đi theo bóng - Chuyền bắt bóng bên phải, bên trái - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - Ném và bắt bóng với người đối diện - Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay - Ném trúng đích thẳng đứng bằng 2 tay - Ném trúng đích nằm ngang bằng 2 tay
12. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Bật xa, chạy 18 m trong khoảng 10 giây - Bật vòng qua 5-6 điểm dích dắc(cách nhau 1,5m), Tung và bắt bóng. - Ném đích đứng- Chạy chậm khoảng 100-120m + Bật xa - Ném xa bằng 1 tay + Đi zic zắc- Bật qua vật cản + Đi trên ghế thể dục – chuyền bóng qua đầu, qua chân

	+ Bật xa- Đi zic zắc- Ném trúng đích nằm ngang. + Bật sâu- Bò bằng bàn tay, cẳng chân- Ném trúng đích nằm ngang bằng 2 tay.
13. Trẻ thực hiện được các vận động; Phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động.	- Thực hiện các việc tự phục vụ không cần sự giúp đỡ. (Chỉ số 9) - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay. - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya) - Kỹ năng đan, nong, tết, thắt nơ
14. Trẻ em có thể lực để tham gia tích cực các hoạt động. (Chuẩn 1) - Trẻ em thích ứng với sự thay đổi của hoạt động thể chất và môi trường. (Chuẩn 2)	- Giữ tư thế đúng khi đứng, ngồi, đi (không cần nhắc nhở); - Thường xuyên tham gia các hoạt động thể chất. - Duy trì thể lực khi tham gia hoạt động thể chất trong môi trường thay đổi; - Dễ dàng tham gia hoạt động thể chất với nhóm bạn chơi mới, môi trường mới.
2. Phát triển nhận thức	
a, Khám phá khoa học	
15. Trẻ thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh và đặt câu hỏi . - Phối hợp các giác quan để quan sát xem xét thảo luận về sự vật hiện tượng qua hoạt động Trải nghiệm, thí nghiệm.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường: + Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới) + Hay hỏi về những thay đổi / mới xung quanh. Vì sao? + Có thể có những hứng thú riêng (thích ô tô/ thích robot, thích búp bê…) - Quá trình phát triển của cây, hoa và điều kiện sống - Quá trình phát triển của con vật. - Những hiện tượng thiên nhiên - Bé lớn lên như thế nào? ***Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể**

	+ Âm thanh xung quanh bé + Các giác quan kỳ diệu + Cơ thể bé và các bạn ***Các Hoạt động trải nghiệm, thí nghiệm các chủ đề** **TMN:** Bé làm họa sĩ sân trường" Thí nghiệm: "Trứng nhảy lò cò", Thí nghiệm: "Chậu cây khát nước **BẢN THÂN**: - Chiếc gương thần kỳ -Tôi là siêu anh hùng - Cuốn sách về tôi, bức tường cảm xúc **GIA ĐÌNH** : - Làm quà tặng bạn, tặng bà, tặng cô - Ngày hội gia đình - Làm quà tặng cô - Làm bánh – cắt rau củ quả - Bóc trứng - Pha nước chanh **NGÀNH NGHỀ**: - Làm quà tặng chú bộ đội - Một ngày làm trải nghiệm chú bộ đội - Trải nghiệm làm nghề nông **ĐỘNG VẬT** : - Làm con vật từ lá cây - Làm cá từ cây bèo lục bình - Ghép các con vật từ nguyên vật mở - Làm cá bằng bao tay…. **THỰC VẬT**:- Chợ quê -Sự nảy mầm của hạt giống - Pha màu từ lá và hoa - Làm salad rau quả… **PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG**: - Đường đua an toàn - Nhà thiết kế mũ bảo hiểm nhí…. **NƯỚC:** -Tắm mưa - Thí nghiệm sự thẩm thấu của nước - Pha màu nước… **QUÊ HƯƠNG**:- Trang phục quê em". - Thí nghiệm: "Gạo trắng – gạo nảy mầm"… -"Nước mặn – nước ngọt"; "Sức gió quê em"
16. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.	- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: "Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi - Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau: ví dụ: tạo vòng tròn to chúng ta cần nắm tay

	cùng tạo
17.Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.	- Làm thí nghiệm khoa học với một vài chất liệu nổi bật của các đồ dùng, đồ chơi trong gia đình: Gỗ, nhựa, kim loại, i-nốc, sắt, nhôm, vải, ni lông, xem vật nào nổi, vật nào chìm; Pha màu nước, nước bay hơi, một vài chất tan - Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển. .. - Một số đặc điểm tính chất của nước - Bé biết gì về nước - Điều kỳ diệu của nước - Sự kỳ diệu của đất, đá, cát sỏi… - ***GDKNS***: Bảo vệ nguồn nước
18.Trẻ biết thu thập thông tin bằng nhiều cách khác nhau như xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Các nguồn nước và môi trường sống - Không khí, ánh sáng, và sự cần thiết của nó đối với đời sống con người, con vật, cây - Nhận biết đèn tín hiệu, biển báo giao thông. - Tìm hiểu sự phát triển của cây, con vật qua thông tin hằng ngày , qua ti vi....
19.Trẻ nhận xét , thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng quan sát	+ Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi; So sánh sự khác nhau và giông nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng + Phân nhóm đồ vật theo chất liệu, (sứ thủy tinh, nhựa gỗ....., Một số đồ dùng gia đình (để ăn, để ống, để sinh hoạt..) + Đặc điểm, công dụng của một PTGT và phân loại 2-3 dấu hiệu. - Phương tiện và Quy định giao thông đường bộ - đường sắt - PT và QĐGT đường thủy - đường hàng không - Phân nhóm các PTGT - Thực hành quy định giao thông - ***GDKNS***: - Ngồi xe máy, xe đạp điện - Cách đội mũ bảo hiểm + Gọi tên, đặc điểm, lợi ích và tác hại của con vật, cây, hoa quả.

20.Trẻ biết phân loại đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau - Phân loại một số sự vật thành nhóm theo đặc điểm chung và gọi tên nhóm;(Chỉ số 51)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa quả. - Phân loại con vật, cây, hoa quả, …theo 2-3 dấu hiệu. - Bé yêu cây xanh - Một số loại rau - củ - Một số loại quả - Những bông hoa đẹp - Động vật nuôi trong gia đình - Động vật sống dưới nước - Động vật sống trong rừng - Một số loại chim và côn trùng Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis
21. Giải thích mối quan hệ giữa đặc điểm của một số loài động vật, thực vật với môi trường sống. (Chỉ số 52)	- Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây **Giải thích mối quan hệ** - **Con cá**: Sống ở dưới nước, có **vây** và **đuôi** để bơi, có **mang** để thở dưới nước. Vì vậy, cá chỉ sống được trong môi trường nước. - **Con chim**: Sống trên cạn, bay trên trời, có **cánh** và **lông vũ nhẹ**, có **mỏ** để mổ thức ăn. Nhờ đặc điểm đó, chim dễ dàng bay lượn và tìm thức ăn trên không. - **Con thỏ**: Sống ở trên cạn, có **đôi chân khỏe** để chạy nhanh khi gặp nguy hiểm, có **tai dài** để nghe rõ. Điều đó giúp thỏ trốn kẻ thù và sống an toàn. - **Cây sen**: Sống dưới ao, có **thân rễ ở bùn**, lá **to và nổi trên mặt nước** để nhận ánh sáng mặt trời. Nhờ vậy sen mới xanh tốt và ra hoa. - **Cây xương rồng**: Sống ở sa mạc khô nóng, lá biến thành **gai** để giữ nước, thân mọng nước để dự trữ. Vì vậy xương rồng sống khỏe mà không cần nhiều mưa.
22. Trẻ em nhận biết và thể hiện kỹ năng phù hợp khi tiếp cận công nghệ số. (Chuẩn 18)	- Sử dụng một số thiết bị công nghệ số an toàn, đúng cách với sự hỗ trợ của người lớn; (Chỉ số 53) - Thể hiện kỹ năng giải quyết vấn đề trong cuộc sống hàng ngày theo các bước đơn giản khi tiếp cận công nghệ số. (Chỉ số 54) Ví dụ : - Máy tính bảng bị tắt tiếng → trẻ thử bật nút âm lượng. - Muốn tìm video học hát → trẻ biết nhờ người lớn gõ chữ hoặc biểu tượng tìm kiếm.

	- Không vào được trò chơi → trẻ thử nhấn nút "thoát ra" và "vào lại". Trẻ nói được vấn đề mình gặp. Trẻ tự nghĩ và thử một cách đơn giản. Nếu không được, biết **nhờ người lớn** giúp đỡ
23. Nhận biết một số đặc điểm nổi bật và sự thay đổi của môi trường tự nhiên; (Chỉ số 50)	**Đặc điểm nổi bật của môi trường tự nhiên** - **Bầu trời**: khi nắng → trời sáng, có mặt trời; khi mưa → có mây đen, giọt mưa rơi. - **Cây cối**: có lá xanh, hoa nở, quả chín. - **Con vật**: chim hót buổi sáng, ếch nhái kêu khi trời mưa. -**Nước – gió**: gió làm lá cây rung rinh, nước làm đất ướt. - **Sự thay đổi của môi trường tự nhiên** +**Theo thời tiết**: Nắng → nóng, mặc đồ mỏng; Mưa → ướt, phải mặc áo mưa; Lạnh → mặc áo ấm. +**Theo mùa**: – Mùa xuân: cây đâm chồi, hoa nở. – Mùa hè: trời nóng, nhiều quả chín. – Mùa thu: lá vàng rụng. – Mùa đông: trời lạnh, ít nắng. + **Theo tác động của con người**: môi trường sạch → đẹp, trong lành; môi trường bẩn → nhiều rác, hôi hám. Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis
24.Trẻ nhận biết phân biệt được sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trăng, mặt trời; nhận biết các buổi sáng trưa chiều tối	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trăng, mặt trời; Các buổi trong ngày sáng, trưa, chiều, tối
25. Trẻ biết được một số cách ứng phó và giảm nhẹ của hậu quả biến đổi khí hậu	-Trời mưa không đi ra ngoài, không trú dưới gốc cây to - Che ô đội mũ khi đi ra ngoài nắng ..... - Trồng cây xanh...
26. Nhận biết một số vùng biển và hải đảo Việt Nam; - Một số nguyên nhân gây ô nhiễm/làm ảnh hưởng biển, hải đảo	- Biển đảo quê hương - Nguyên nhân gây ô nhiễm
27.Trẻ biết được sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật, cây cối theo thời tiết, theo mùa.	- Thích nghi với sự thay đổi theo mùa
28. Trẻ biết được các nguồn nước trong môi trường sống.Trẻ	- Các nguồn nước và lợi ích của nước đối vơi con người, con vật và cây cối.

biết được lợi ích của nước đối vơi con người, con vật và cây cối.	
29. Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân-kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước - Bảo vệ môi trường xanh sạch
30. Trẻ biết không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	- Sự cần thiết đối với không khí ánh sáng
31.Trẻ biết thể hiện được một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Thể hiện được một số hiểu biết về đối tượng - Xây dựng các "công trình" từ những khối xây dựng khác nhau. - Có những cử chỉ điệu bộ, vận động minh hoạ / múa sáng tạo khác với hướng dẫn của cô….
b, Khám Phá Xã hội	
32.Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tôi là ai? - Tôi và các bạn - Cơ thể tôi - Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh **KNS:** Dạy trẻ kĩ năng tự bảo vệ bản thân phòng chống xâm hại - Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis
33.Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình; Nói được địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis - Mời bạn đến thăm gia đình tôi - Những ngày kỷ niệm đáng nhớ - Ngôi nhà thân yêu của bé - Các thành viên trong gia đình. - Nghề nghiệp của bố mẹ - Sở thích của các thành viên trong gia đình; - Quy mô gia đình(gia đình nhỏ, gia đình lớn). - Nhu cầu gia đình. - Địa chỉ gia đình(xóm, xã, huyện, tỉnh..); số điện thoại của bố mẹ... - Nhà bé ở đâu?
34. Trẻ nói tên, địa chỉ, mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp; Nói tên, công việc của cô giáo, các bác công nhân, và họ tên các bạn trong lớp trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Trường mầm non thân yêu - Lớp mẫu giáo của bé - Bé và các hoạt động trong trường mầm non - Các hoạt động , công việc của các cô bác trong trường. Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis
35.Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề phổ biến trong xã hội .	- Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis + Tên gọi các nghề phổ biến, nghề truyền thống địa phương:

	- Một số nghề truyền thống ở địa phương: làm nước mắm, nghề đánh bắt thủy sản ... - Bé yêu bác nông dân + Một số nghề phổ biến quen thuộc - Cô Bàn hàng - Nghề dịch vụ - Bé thích làm bác sỹ - Công an - Cháu yêu cô, chú công nhân -Cháu yêu cô, chú bộ đội…
36. Trẻ kể tên, nói về hoạt động nổi bật một số lễ hội và nêu một vài nét đặc trưng về danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	* Lễ hội: - Ngày khai giảng năm học mới - Bé vui đón tết trung thu - Ngày vui của bà, của mẹ 20/10 - Vui ngày hội cô giáo 20/11 - Vui ngày tết chú bộ đội - Tết và mùa xuân - Ngày tết quê em - Lễ hội đền cuông - Vui ngày hội 8/3 - Mừng sinh nhật Bác 19/5 * Di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh: - Biển Diễn thành, Lèn hai vai, chùa cổ am, đền cuông; đền sò. Khu du lịch sinh thái Mường Thanh. - Diễn châu quê hương em - Biển cửa lò; Đảo ngư - Quảng trường Hồ Chí Minh - Đất nước Việt nam Diệu kỳ - Quê Bác...
37. Trẻ kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống	- Kể, hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về những điểm vui chơi công cộng/ trường học/nơi mua sắm/ khám bệnh ở nơi trẻ sống hoặc đã được đến. - Trường tiểu học Diễn Châu 1 - Bệnh viện Diễn châu - Siêu thị Mường Thanh - Ủy ban xã Diễn châu 1 Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis
1. ***Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về toán***	
38. Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Ôn số lượng trong phạm vi 10, nhận biết chữ số từ 1 đến 10 và đếm theo khả năng - Số 6 ,7,8,9,10 – Tiết 1, 2, 3
39. So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng	

các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- Số 6,7,8,9,10 – Tiết 1, 2,3 - Số 6,7,8,9,10 – Tiết 1,2, 3
40.Trẻ biết tách một nhóm đối tượng, gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	
41. Trẻ quan tâm đến các con số, nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Đếm và nói đúng số lượng ít nhất đến 10 (hạt na, cái cúc, hạt nhựa...) - Đọc được các chữ số từ 1 đến 9 và chữ số 0. - Chọn thẻ chữ số tương ứng (hoặc viết) với số lượng đã đếm được
42.Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Số nhà, biển số xe, số điện thoại...) Nhận biết số chẵn số lẻ
43.Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu; biết nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. Biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	*** Sắp xếp theo quy tắc** - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan
44. Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả	* **Đo lường:** - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật , so sánh và diễn đạt kết quả - Đo dung tích các vật so sánh và diễn đạt kết quả đo
45. Trẻ biết gọi tên và chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa hai khối cầu và trụ, khối vuông và khối chữ nhật	*** Hình dạng**: - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối đó trong thực tế - Nhận biết, phân biệt khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
46. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn	*** Định hướng trong không gian vàTG** - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước, phía sau, phía trên, phía dưới, phía phải, phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
47.Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Nói được tên các ngày trong tuần theo thứ tự (ví dụ: thứ hai, thứ ba, v..v..) - Nói được trong tuần những ngày nào đi học, ngày

	nào nghỉ ở nhà. - Gọi tên và nêu được đặc điểm đặc trưng của các mùa - Nêu được khác biệt cơ bản giữa hai mùa (hè với đông; mùa mưa với mùa khô).
48. . Phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai và gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự; (Chỉ số 48)	- Nhận biết, phân biệt hôm nay là thứ mấy và hôm qua, ngày mai là thứ mấy. - Nói được hôm qua đã làm việc gì, hôm nay làm gì và cô dặn/ mẹ dặn ngày mai làm việc gì. + Sắp xếp theo trình tự - Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis
49.. Xác định giờ đúng trên đồng hồ. (Chỉ số 49) - Trẻ nói được ngày trên lốc lịch	- Biết lịch dùng để làm gì và đồng hồ dùng để làm gì. - Nói được ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ (ví dụ: bây giờ là 2 giờ/ 3 giờ v..v..) - Nói giờ chẵn trên đồng hồ +Trò chơi : chiếc nón kỳ diệu
3. Phát triển ngôn ngữ	
a. Nghe và hiểu lời nói	
50. Trẻ biết thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể - Nghe và nhận ra từng tiếng trong câu nói; (Chỉ số 30)	Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp +Chơi theo nhóm +Thực hiện nhiệm vụ học tập theo yêu cầu +Trò chơi: khiêu vũ tập thể, nhảy sạp… - Trẻ **nghe rõ câu nói** của cô hoặc bạn. - **Trẻ** tách được câu nói thành từng tiếng (từng từ đơn giản). **ví dụ đơn giản:** Cô nói: **"Con mèo kêu meo"** Cô Hỏi trẻ: "Trong câu này có mấy tiếng nhỉ?" - Trẻ sẽ nghe và đếm: **Con / mèo / kêu / meo** → có 4 tiếng.
51. Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát..	- Hiêu các từ khái quát, từ trái nghĩa: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,... + Những con vật đáng yêu + Cây xanh, một số loại hoa, quả + Phương tiện giao thông(đường bộ, đường sát, hàng không)
52.Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. Nghe hiểu câu chuyện, ca dao	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi

đồng dao lứa tuổi của trẻ.	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi
53. Trẻ biết nghe hiểu và phản hồi thông tin đơn giản; (Chỉ số 31)	- Nghe hiểu và thức hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2-3 hành động - Trẻ nghe được lời nói đơn giản của cô hoặc bạn. - Trẻ hiểu nội dung thông tin. - Trẻ phản hồi lại bằng hành động hoặc lời nói ngắn gọn. Ví dụ: Cô nói: "Con hãy giơ tay phải lên." Trẻ giơ tay phải.
b, Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày	
54. Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người khác nghe có thể hiểu được - Nói để người khác hiểu; (Chỉ số 32).	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự - kể lại sự việc theo trình tự - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.
55. Sử dụng lời nói, hành vi lịch sự trong giao tiếp. (Chỉ số 33). Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật , hoạt động, đặc điểm ... phù hợp với ngữ cảnh.	- Trẻ Sử dụng lời nói, hành vi lịch sự trong giao tiếp - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh, tại sao, có cái gì giống nhau, do đâu mà có
56.Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh…	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết và kinh nghiệm của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép... khác nhau - Trả lời câu hỏi về nguyên nhân, so sánh, Có gì giống nhau, khác nhau, tại sao, như thế nào?
57.Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái của nhân vật.	- Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái của nhân vật + Trò chơi: Nối theo yêu cầu
58. Đọc biểu cảm bài thơ ca dao đồng dao	*** <u>Truyện</u>:** ***-Chủ đề trường mầm non***: Món quà của cô giáo (Phỏng theo truyện của Tú Anh), mèo con đi học (Trần Thị Thu), Thỏ trắng biết nhận lỗi (Sưu tầm), Mời bạn đến thăm, Gà tơ đi học ***-Chủ đề bản thân:*** Đôi tai xấu xí (theo báo Họa My); Câu chuyện của tay trái, tay phải (Lý Thị Minh Hà); Cháu rất nhớ bạn ấy (tranh truyện minh họa); Chuyện của dê con(tranh truyện minh họa)
59. Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện.. trong nội dung truyện	
60. Biết kể chuyện theo trình tự	

nhất định . Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện. 61. Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- ***Chủ đề gia đình:*** Ba cô gái (Truyện cổ Việt nam), Hai anh em (Truyện cổ Việt nam) , Aai đáng khen nhiều hơn(Phong Thu).Hai anh em gà con(Tranh truyện minh họa), cây khế ***-Chủ đề Động vật:*** Cá rô Con lên bờ (Nguyễn Đình Quảng); Dê con nhanh trí, Trí khôn của tao đây. Hươu con biết nhận lỗi (Trần Thị Ngọc Trâm); Con gà trống kiêu căng ***-Chủ đề ngành nghề:*** Thần sắt(truyện dân tộc Thái), Sự tích quả dưa hấu(Truyện cổ VN), Bác sỹ chim, Ba chú lợn con (Đặng Thu Quỳnh, Cao Ngọc Hà) ***-Chủ đề thực vật:*** Quả bầu tiên, Cây tre trăm đốt , Sự tích báng chưng bánh dày (truyện cổ Việt nam), Dự tích cây khoai lang (Theo báo Họa My), Sự tích cây vú sữa(Theo Ngọc Châu), Sự tích hoa hồng, Hoa bìm bìm(Tranh truyện minh họa)) ***- Chủ đề giao thông:*** -Qua đường Truyện tranh minh họa), Kiến thị AT GT, Xe lu Xe lu và xe ca, vì sao thỏ cụt đuôi (Phạm Hoàng Yến), Kiến con đi ô tô (Truyện tranh minh họa), Thỏ con đi học (Đỗ Thị Ngọc Anh) ***-Chủ đề nước hiện tượng tự nhiên:*** Giọt nước tí xíu(Nguyễn Linh), Nàng tiên bóng đêm (Vi Tiểu Thanh), Sơn tinh thủy tinh (Truyện cổ VN) ***- Chủ đề quê hương đất nước Bác Hồ:*** Sự tích Hồ Gươm (Phỏng theo truyền thuyết "Sự tích hồ Gươm); Niềm vui bất ngờ (Theo "Bác Hồ kính yêu, NXB Kim Đồng), con rồng cháu tiên(Võ Văn Trục), Chuyện ông gióng(Truyện cổ VN) *** <u>Thơ</u>** ***-Chủ đề trường mầm non:*** Cô giáo của em (Chu Huy) Bàn tay cô giáo (Định Hải) ,tình bạn (Trần Thị Hương).Thơ: trăng sáng(Trần đăng Khoa); Cô và mẹ (Trần Quốc Toàn).,gà học chữ(Sưu tầm) ***-Chủ đề bản thân***: Đôi mắt của em, Tay ngoan (Võ Thị Như Chơn) ChiÕc bãng (Phạm Thanh Quang), Xòe tay (Phong Thu); Em vẽ (tranh thơ minh họa); Chiếc bóng (Phạm Thanh Quang); Cánh hoa nở (Phạm Đình Ân), Bé chẳng sợ tiêm ***- Chủ đề gia đình:*** Vì con (Văn Long), Làm anh (Phan Thị Thanh Nhàn), Giữa vòng gió thơm (Quang Huy), Thương ông(Tú Mỡ), Cháu yêu bà(Võ Quang Vinh), Cô giáo của em (Chu Huy) , Bàn

	tay cô giáo (Định Hải).Quạt cho bà ngủ(Thạch quỳ) ; Bàn tay có nụ hôn(tranh thơ minh họa), Làm Anh; Cháu dắt tay ông(tranh thơ minh họa), ***- Chủ đề ngành nghề:*** Cái bát xinh xinh(Thanh Hà), Hạt gạo làng ta (Trần Đăng Khoa) , Chiếc cầu mới (Thái Hoàng Linh) , Ước mơ của tí (Lê thị Ngọc Lễ), Chú bộ đội hành quân trong mưa (Võ Thùy Hương); Bé xếp nhà, Bát cơm ngày mùa (Tranh thơ minh họa) **- Chủ đề Động vật:** Hổ trong vườn thú(Vũ Quang Vinh), Con chim chiền chiện(huy cận, Đom đóm(Hoàng Hương), Mèo đi câu cá(Thái Hoàng Linh), Gà mẹ đếm con, Đàn vịt, Anh chuột chủi, Cánh hoa nở (Tranh thơ minh họa) ***- Chủ đề thực vật***: Cậy dừa(Trần Đăng khoa), Hoa kết trái (thu Hà), Vòng quay luân chuyển(Miec ta Aghire), Hoa cúc vàng(Nguyễn văn Chung), Trồng cúc, Giàn gấc, Lồ chào của hoa, Cánh hoa nở(tranh thơ minh họa) ***- Chủ đề giao thông:*** Chúng em chơi giao thông(Tô Ngải), Chiếc cầu mới. (Thái Hoàng Linh), Cô dạy con (Bùi Thị Tình), Đèn giao thông(Mỹ trang), Bó hoa tặng cô(Ngô Quân Miệng), Đàn kiến nó đi, Tiếng động quanh em, Chiêc xe lu(tranh thơ minh họa), Chú cảnh sát giao thông, Cháu dắt tay ông(Phan Nguyễn Khuê ***- Chủ đề nước hiện tượng tự nhiên:*** Mưa rơi(Minh Huệ), Trăng ơi từ đâu đến(trần Đăng Khoa), Mùa Xuân(Dương Khâu Luông), Gió(Xuân Quỳnh), Bờ tre đón khách, bình minh ***- Chủ đề QHDN- Bác Hồ- Trường tiểu học:*** Gà học chữ(Phan Trung Hiếu), ảnh bác 9 trần Đăng Khoa), Quê em vùng biển (Sưu tầm), O tròn như quả trứng vịt(Duy Quế), Bé vào lớp 1, Giếng làng em, Hoa quanh lăng bác(Sưu tầm), - Nghe đọc các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi
62. Trẻ nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	Nhận ra thái độ khác nhau (âu yếm, vui vẻ hoặc cáu giận) của người nói chuyện với mình qua ngữ điệu khác nhau của lời nói - Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái, ngữ điệu lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện

	- Biết sử dụng giọng điệu của các nhân vật khác nhau khi kể lại chuyện hoặc kể lại một sự kiện. - Thể hiện được cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói
63. Trẻ biết sử dụng được các từ: Cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng,... phù hợp với tình huống.	- Làm quen với các từ lễ phép: Cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng,... phù hợp với tình huống - Sử dụng các từ lễ phép, văn minh phù hợp với tình huống
64. Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp: Nói nhỏ trong giờ ngủ ở lớp, khi người khác đang tập trung làm việc, khi đi thăm người ốm, nói thầm với bạn, bố mẹ.. khi trong rạp hát, đi xem phim cộng đồng
65. Trẻ biết kể chuyện theo cách riêng. (Chỉ số 35)	- Trẻ **dùng lời nói, cử chỉ, nét mặt, cách hiểu của riêng mình** để kể lại nội dung câu chuyện. - Trẻ có thể **thay đổi giọng điệu**, **sắp xếp lại chi tiết**, hoặc **thêm cảm xúc cá nhân**. - Câu chuyện có thể **chưa đầy đủ, chưa chính xác hoàn toàn**, nhưng thể hiện được suy nghĩ, trí tưởng tượng và khả năng diễn đạt của trẻ.
66. Trẻ biết diễn tả hiểu biết của bản thân bằng những cách khác nhau; (Chỉ số 34).	- Dùng ngôn ngữ để diễn đạt, cố gắng để người khác hiểu được cảm xúc của mình - Trao đổi chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động - Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis
67. Trẻ biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện	- Mạnh dạn, chủ động trong giao tiếp - Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis
68. Trẻ chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ nét mặt, ánh mắt phù hợp	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
c.Làm quen với việc đọc viết	
69). Trẻ thích và có hành vi phù hợp với sách và tài liệu in; (Chỉ số 36) .Trẻ biết chọn sách để "đọc" và xem. Biết cách đọc sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới - Phân biệt phần mở đầu và phần kết thúc của sách. - "Đọc" được truyện tranh đã biết
70. Trẻ biết kể truyện theo tranh	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh - Đóng kịch

minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	
71. Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống *(* CS 37)	Nhận biết được các ký hiệu về đồ dựng của trẻ như: khăn mặt, tủ đựng quần áo, - Biết đượct kí hiệu về thời tiết, - Biết và tạo được tên của trẻ, - Nhận biết được ý nghĩa của các ký hiệu quen thuộc trong cuộc sống: bảng hiệu giao thông, quảng cáo, chữ viết, cấm hút thuốc, cấm lửa, Nhà vệ sinh, lối ra vào, cấm lửa, biển giao thông: đường cho người đi bộ... - Nhận biết được các nhãn hàng hóa.
72.Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt. Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh. - Nghe nhận ra âm trong tiếng(CS 39)	- Tô các nét cơ bản - Tô các dấu - Làm quen với chữ cái: o ô ơ; a ă â; e ê; u ư; i t c; m n; b d đ; h k; p q; l h k; g y; s x; v r - Trò chơi với chữ cái: o ô ơ; a ă â; e ê; u ư; i t c; m n; b d đ; h k; p q; l h k; g y; s x; v r * Khả năng nghe và tách ra âm thanh trong từng tiếng nói - Khi nghe một tiếng (ví dụ: "bò"), **trẻ** phát hiện được âm đầu **(b-), hoặc** âm cuối **(-o).** - Tìm âm chữ cái trong tiếng như: c có trong tiếng ca,cá… - Ôn các nhóm chữ cái
73.Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. -Trẻ biết bắt chước hành vi viết (Chỉ số 41)	Sao chép tên của bản thân theo trật tự cố định trong các hoạt động - Thực hiện trong vở làm quen chữ cái.
4. Phát triển thẩm mỹ	
74. Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẽ đẹp của sự vật hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và nghệ thuật. - Bày tỏ ý kiến của bản thân đối với cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống;(CS56)	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm , các bài hát ,bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật , hiện tượng trong thiên nhiên ,cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật - Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng . - Chú ý nghe , thích thú(hát ,vỗ tay ,nhún nhảy, lăc lư) Theo bài hát ,bản nhạc. - Thích thú ngắm nhìn,chỉ,sờ, và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình(về màu sắc,hình dáng,...)của các tác phẩm tạo hình.

75. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ.... 76. Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa). Biết cách sử dụng các nhạc cụ	**Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc :** *** Dạy hát (vận động)** ***- Chủ đề trường MN:*** Mái trường nơi học bao điều hay (Bùi An tôn), niềm vui đến trường(Thanh Xuân); Ngày vui của bé (Tác giả Hoàng Văn Yến), Trường mẫu giáo yêu thương (Hoàng Văn Yến), Rước đèn Dưới trăng (Đỗ Mạnh Thường), Vườn trường mùa thu (Cao Minh Khanh), Nắm tay thân thiết (Nhạc hàn quốc), Những khúc nhạc hồng (Trần Xuân Mẫn), Đường và chân (Hoàng Long); Em đi rước đèn (Vũ Đình ân); Gọi trăng là gì (Hồ Trọng Tuấn); Mừng Trung Thu (Xuân Hoàng) ***- Chủ đề bản thân:*** Người Tôi Yêu Tôi Thương (Diệu Đan); Cái mũi (Thu Hiền - Lê Đức), Mừng sinh nhật (Đào Ngọc Dung), Mời bạn ăn (Trần Ngọc), Năm ngón tay ngoan (Trần Văn Thụ), Tập rửa mặt(Hồng Đăng); Càng lớn càng ngoan; Khuôn mặt cười (*Nhạc:Hàn Quốc*); Đường và chân (*Nhạc:Hoàng Long.Lời:Xuân Tửu*); Tôi bị ốm; Gà gáy vang dậy bạn ơi (*Văn Dung*); Nắng sớm (*Hàn Ngọc Bích*); Cùng đi đều; Tay thơm tay ngoan (*Bùi Đình Thảo);* ***- Chủ đề gia đình:*** Mẹ ơi có biết (Nguyễn Văn Chung); Gia đình nhỏ, hạnh phúc to" (Nguyễn Văn Chung); Nhà của tôi(thu Hiền), Gánh gánh gồng gồng(Phạm Tuyên), Có ông bà- có ba má (Sông Trà) ; Thiên đường búp bê (Nhiều tác giả), Nhà mình rất vui(Sông trà), Ông cháu(Phong Nhã); Cô giáo (Nhạc: Đỗ mạnh thường, Thơ: Nguyễn Hữu Tường), cô giáo em (Lê Kiết Tường); bông hồng tặng cô (trần Quang Huy) ***-Chủ đề nghành nghề:*** Em muốn làm (Nguyễn Văn Chung); Em làm bác sỹ (Cao Phi Long và Viễn Châu); Là đầu bếp (Trần chinh), Ngôi nhà mới(mộng lân), Ai làm ra mùa vàng(Trần chinh), Cháu yêu cô thợ dệt(Thu Hiền), Bác đưa thư vui tính(Hoàng lân), Lớn lên chau lái máy cày(Kim Hữu), Chú bộ đội đi xa(hoàng vân), Chú bộ đội đảo xa(Trần Xuân Tiến), Gác trăng (Hoàng Văn yến); Chú Bộ Đội Và Cơn Mưa (Đông Hải. ***- Chủ đề động vật:*** Chú voi con ở Bản đôn (Phạm Tuyên), Chim chích bông (Nhạc: Văn Dung –

	Thơ: Nguyễn Viết Bình), con chim vành khuyên (Hoàng Vân), Chú mèo con (Nguyễn Đức Toàn); Vì sao chim hay hót (Nguyễn Hà Hải), gà mẹ đếm con, làm chú chuồn chuồn(Trần chinh), Cua và cò(bùi An tôn), Gà gáy le te(DC Cống khao), con cào cào (Nhạc: Phạm Tuyên · Thơ : Đom Đóm); Chị ong nâu và em bé (Tân Huyền); Bướm vàng (Vũ Trọng Phương); Chú ếch con (Phan Nhân) ***- Chủ đề thực vật – Tết và mùa xuân*** Hoa trường em(dương Huy Bang), Vào rừng Hoa (việt Anh), Em yêu cây xanh, Mùa Xuân (Hoàng Văn yến), Lá xanh (Thái cơ), Quả (Xanh xanh), Bầu và bí (Phạm tuyên), Hoa Kết Trái(Nhạc: Thu Hà, nhạc: Phạm Thị sửu), Em thêm một tuổi (Trương Quang Lục), Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân), Xúc xắc xúc xẻ (trần văn việt).Bánh chưng xanh ***- Chủ đề giao thông:*** Em là công an tý hon(Trần xuân Tiến); Lái máy bay (Xuân giao), đường em đi (Nhạc: Ngô Quốc Tính, Lời: tường Vân), Em đi qua ngx tư đường phố(hoàng Văn yến), Em đi chơi thuyền(Trần Kiết tường), Bác đưa thư vui tính(Hoàng Lân), Ngày vui 8/3(Hoàng Văn Yến), Cô dạy bé bài học giao thông(Lâm trọng tường) ***- Chủ đề nước hiện tượng tự nhiên:*** Nắng sớm (Hàn ngọc Bích), Mây và gió(Minh Quân), Đếm sao(Văn chung), Cho tôi đi làm mưa với(hoàng Văn Yến), Trời nắng trời mưa(Đặng nhất), Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung); Hè về mưa rơi (Lê Vĩnh Phúc) ***- Chủ đề: Quê hương đất nước Bác Hồ , trường tiểu học:*** Tạm biệt búp bê (Hoàng Thông), Cháu vẫn nhớ trường MN(Hoàng Vân), Dâng hoa lên ông và bác(Phan Huỳnh Điểu), Yêu Hà Nội (Bảo Trọng), Múa với bạn tây nguyên(Phạm tuyên) * Biểu diễn văn nghệ
77. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	* **Nghe hát**: ***- Chủ đề: Trường mầm non*** - Ngày đầu tiên đi học (Nguyễn Ngọc Thiện), Em yêu trường em (Hoàng Vân), Chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên), Cô giáo (nhạc Đỗ Mạnh Thường – thơ Nguyễn Hữu Tưởng); Xếp hình chữ cái (Vũ Minh Vỹ); Bài ca cô giáo trẻ (Phạm Đăng Khương); Tâm tình cô giáo mầm non - Lê Thống Nhất; Bài ca người giáo viên nhân dân (

78. Trẻ Nghe và biết nhận ra giai điệu (Vui, êm dịu, buồn) của bài hát, bản nhạc.	Hoàng Vân); Rước đèn tháng tám (Đức Quỳnh); Thằng cuội (Lê Thương); (Mầm non hạnh phúc thân yêu (Phượng Linh) ***- Chủ đề: Bản thân*** - Ru em (Dân ca Xê đăng), Ru con (Dân ca Nam bộ), Trái đất này là của chúng mình (nhạc Trương Quang Lục – thơ Định Hải), con chim vành khuyên (Hoàng Vân). ***- Chủ đề: Gia đình*** Thân Sinh Phụ Mẫu (Bìn x Jin Tuấn Nam) , bài học lễ phép (Nguyễn Văn Chung); Nhà là nơi (Nguyễn Hải Phong); Em là bông hồng nhỏ (Trịnh Công sơn), Ru con(dân can am bộ), Cho con (Phạm trọng cầu), Chỉ có một trên đời (Trương Quang Lục), Bố là tất cả(Thập Nhất), Niềm vui gia đình(hoàng Vân), Ba ngọn nến lung linh(Ngọc lễ), Bàn tay mẹ(bùi Đình Thảo); Yêu sao nghề giáo viên (Đỗ Tuyết Nhi); Mẹ ơi tại sao (Nguyễn Đình Nguyên) ***- Chủ đề:*** **Ngành nghề** "Ước mơ của bé" (Lê Thị Hồng Mai); Lớn lên em sẽ làm gì (Trần Hữu Pháp); "Bé làm họa sĩ" (Tạ Minh Thùy) Xe chỉ luồn kim (DCQHBN), Hạt gạo làng ta(Thơ: Trần Đăng Khoa, nhạc: Bùi Đình Thảo), Đi cấy(DC Thanh Hóa), Anh phi công ơi(Vũ Thanh), Hát về đảo xa (Trần Xuân Tiến), Ba em là công nhân lái xe(Trần xuân Tiến), màu áo chú bộ đội (Trần Xuân Tiến); Nghề giáo tôi yêu (nhạc sĩ Bùi Anh Tú) ***- Chủ đề: Động Vật*** Chú khỉ con (Bùi An Tôn); Lý con sáo, Lý con sáo gò công(DC Nam bộ), cò lả (Dc Đồng Băng BB), Lượn tròn lượn khéo (Văn Chung), Tôm cá cua thi tài(Hoàng Thị Dung), ***- Chủ đề: TGTV – Tết và mùa xuân*** Ra chơi vườn hoa (Văn Tấn), Hoa thơm bướm lượn(DCQHBN), Hoa trong vườn(DC Thanh Hóa), Hạt gạo làng ta(Nhạc: Viết Bính, Thơ: Trần Đăng Khoa), Lý cây bông (DC Nam Bộ), Cây trúc Xinh (DC QHBN), Vườn cây của ba(Phan Nhân, Nguyễn Duy); Đi cấy (DC Thanh Hóa), Mùa Xuân(Nguyễn Ngọc Thiện), Ngày tết quê em (Từ huy); Ngày xuân long phụng sum vầy ***- Chủ đề: Phương Tiện và quy định giao thông***

	Anh phi công ơi(Nhạc: Xuân Giao, thơ: Xuân Quỳnh), Ngồi tựa mạn thuyền(DCQHBN), Cô dạy bé bài học giao thông(Lâm trọng Tường), Chúng em chơi ATGT(Lâm trọng Tường) - ***Chủ đề: Nước và hiện tượng tự nhiên*** Giọt Mưa và Em Bé (Quang Huân); Tia Nắng Hạt Mưa (Khánh Vinh); Mưa rơi (Dân ca xá), Phao bơi, Lý chiều chiều(Dân ca Nam Bộ), Ánh trăng hòa bình(Nhạc: Hồ Bắc, Lời: Mộng Lân), Ma bóng mây(Tô đông Hải), Tiếng ve gọi hè (Trịnh công Sơn); - ***Chủ đề: Quê Hương, Đất nước, Bác Hồ - Trường tiểu học*** Quê hương tuổi thơ tôi (Từ Huy); Em yêu mùa hè quê em (Xuân Trang; Viết tiếp câu chuyện hòa bình (Nguyễn Văn Chung); Em yêu trường em(hoàng Vân), Bài ca đi học (Phan Trần Bảng), Quê hương(Nhạc: giáp văn Thạch, Thơ: Đỗ Trung Quân), Việt nam quê hương tôi (Đỗ Nhuận), Những bông hoa trong vườn bác(Văn Dung), yêu hòa bình (Nguyễn Đức Toàn), Ai yêu bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng(Phong Nhã), Bác Hồ người cho em tất cả(, đêm nghe hát đò đưa nhớ bác(An Thuyên) , Lời bác dặn trước lúc đi xa(Trần Hoàn) , Bác Hồ một tình yêu bao la (Thuận Yến) Niềm vui đến trương(Thanh Xuân), Mái trường mến yêu(Lê Quốc Thắng) , Cháu vẫn nhớ trường mầm non(Hoàng Lân) , Nhớ ơn thầy cô(Nguyễn Ngọc Thiện) , Cô ơi (Trần Thanh Tùng) - Dân ca tự chọn - Biểu diễn văn nghệ *** TCAN:** Tai ai tinh, giọng hát to- giọng hát nhỏ, - Tiếng hát ở đâu, hát theo hình vẽ - Tai ai tinh, Bao nhiêu bạn hát - Nghe tiếng hát tìm đồ vật, Ai nhanh nhất, Ô số bí ẩn, hãy làm theo hiệu lệnh, Ai đoán giỏi, Nghe giai điệu đoàn tên bài hát - Solmi, bé làm nhạc trưởng, tập xướng âm, Vũ điệu quê hương, Nhảy theo vũ điệu.... * Nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; nghe, kể câu chuyện và bộc lộ cảm xúc phù hợp
79.Trẻ có một số kỹ năng trong hoạt động tạo hình. - Bày tỏ ý kiến của bản thân đối	*** Chủ đề TMN:** - Vẽ tô màu đồ chơi trong trường mầm non - Trang trí rèm cửa lớp học

với sản phẩm nghệ thuật; (Chỉ số 57.) - Thể hiện một số hiểu biết của bản thân về nghệ thuật truyền thống; (Chỉ số 58.)	- Vẽ cô giáo - Cắt, dán đồ chơi; - Cắt dán găng tay - Nặn đồ dùng đồ chơi *** Chủ đề bản thân:** - Vẽ chân dung bạn. - Nặn hình bé tập thể dục - Cắt dán áo bạn trai bạn gái - Trang trí khăn quàng cổ - Nặn theo ý thích - Vẽ các loại quả giàu vitamin. *** Chủ đề gia đình:** - Làm găng tay; Làm đồng hồ đeo tay - Cắt dán ngôi nhà từ các hình hình học - Vẽ cái nồi/ soong - Vẽ chân dung người thân trong gia đình - Vẽ cái cốc - Nặn cái làn - Nặn đồ dung trong gia đình - Làm cà vạt tặng bố - Cắt dán tủ quần áo *** Chủ đề ngành nghề:** - Vẽ cô giáo - Vẽ đồ dùng dụng cụ nghề nông - Vẽ trang trí cái cốc - Vẽ tranh tặng chú bộ đội bảo vệ biển đảo - Cắt dán hình ảnh một số nghề - Nặn đồ dung, dụng cụ, sản phẩm một số nghề *** Chủ đề thực vật:** - Xé, dán cây ăn quả - Tạo hoa bằng dấu vân tay - Nặn rau, củ, quả - Gấp hoa sen - Trang trí tán lá cây; - Trang trí bưu thiếp ngày tết *** Chủ đề động vật:** - Vẽ con gà trống - Xé, dán đàn cá - Cắt, dán động vật sống trong rừng - Nặn con các vật - Làm con gà, con cá,... - Vẽ theo ý thích - Làm mô hình thế giới đại dương; Làm con cá *** Chủ đề giao thông:** - Cắt dán ô tô

	- Xé dán cột đèn hiệu giao thông - Vẽ tàu, thuyền trên biển - Làm ô tô - Xé, dán mây - Gấp thuyền - Nặn theo ý thích *** Chủ đề nước hiện tượng tự nhiên:** - Vẽ trang phục theo mùa theo ý thích - Làm mưa ngũ sắc - Xé dán mây *** Chủ đề quê hương đất nước Bác Hồ, trường tiểu học:** - Vẽ cảnh quê hương em - Vẽ cảnh biển - Xé, dán bức tranh phong cảnh - Vẽ vườn hoa lăng Bác - Trang trí khung ảnh Bác Hồ - Vẽ đồ dùng học tập - Vẽ, tô màu trường tiểu học - Cắt dán đồ dùng học tập - Nặn theo ý thích
80. Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Tìm kiếm, lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra sản phẩm - Làm dây hoa trang trí lớp học - Làm hình người bé tập thể dục từ rơm rạ, lá cây... - Làm quà tặng cô giáo (tặng bà, tặng mẹ...) - Làm đồ dùng trong gia đình - Làm đồ dùng, dụng cụ sản phẩm một số nghề - Làm con vật từ nguyên vật liệu thiên nhiên - Làm rau củ quả - Làm bánh chưng, bánh tét - Làm quà tặng chú bộ đội - Làm biển báo, phao bơi - Làm một số PTGT - Làm chong chóng - Làm đôi dép Bác Hồ - Làm một số đặc sản quê hương...
81. Trẻ biết nhận xét và giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc đường nét, hình dáng,bố cục .....
82. Trẻ thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (Âm nhac, tạo hình)	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh,vận động hát theo các bản nhạc,bài hát yêu thích. - Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu chậm - Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích .

	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. - Thể hiện cảm xúc, ý tưởng của bản thân thông qua hát, vận động theo nhạc;(Chỉ số 60). - Tạo ra sản phẩm nghệ thuật tạo hình theo cảm xúc, ý tưởng của bản thân và nói về sản phẩm đó;(Chỉ số 61) - Tạo ra cái đẹp trong cuộc sống hằng ngày theo cách riêng (như cắm hoa, sắp đặt đồ vật, có lời nói/cử chỉ lịch sự/nhân ái...) (Chỉ số 63)

5 . Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
a. Phát triển tình cảm	
83 Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc số điện thoại - Trẻ tự hào về những đặc điểm riêng và khả năng của bản thân (Chỉ số 18.)	- Trò chuyện đàm thoại cùng với trẻ -Trao đổi với phụ huynh - Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis
84. Trẻ nói được điều trẻ thích, không thích, những việc làm được và những việc không làm được - Gọi tên tối thiểu 3 cảm xúc khác nhau của bản thân và nói nguyên nhân gây ra các cảm xúc đó; (Chỉ số 17)	- Sở thích và khả năng của bản thân + tổ chức sinh nhật, vui chơi. - Điểm giống và khác nhau của mình với bạn. - Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis **Trẻ Gọi tên cảm xúc**: cần nói rõ mình đang cảm thấy gì (ví dụ: vui, buồn, tức giận, lo lắng, hạnh phúc…). - **Nguyên nhân gây ra cảm xúc**: Nói lý do vì sao em có cảm xúc đó (ví dụ: em vui vì được cô khen, em buồn vì làm hỏng đồ chơi, em tức giận vì bạn giành đồ chơi của em…). Ví dụ : - **Vui** – vì hôm nay được mẹ tặng một món quà nhỏ. - **Buồn** – vì sáng nay phải xa bố mẹ đi học. - **Hồi hộp** – vì sắp đến lượt mình biểu diễn văn nghệ trước lớp. Việc này giúp trẻ biết nhận diện cảm xúc, hiểu nguyên nhân và học cách diễn đạt cảm xúc của bản thân.
85.Trẻ biết nhận ra việc của mình làm có ảnh hưởng đến người khác;	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học * Kỹ năng sống

- Trẻ biết nhận ra lỗi, biết nói lời xin lỗi và sửa lỗi; (Chỉ số 28)	+ Dạy trẻ lễ phép khi ở nhà, khi có khách đến nhà + Lịch sự nơi công cộng + Những việc nên làm và không nên làm trong các hoạt động - Nhận ra lỗi, biết nói lời xin lỗi và sửa lỗi
86. Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức	- Trẻ cất đồ dùng đồ chơi gọn gàng - giờ ăn biết bày bàn ăn -giờ ngủ biết cất chiếu , gối Kỹ năng sống: Bé biết làm gì
87. Thể hiện sự tự tin, tự lực: khi làm một số việc đơn giản và thực hiện công việc được giao. - Giữ lời hứa và thực hiện lời hứa với người khác (Chỉ số 29)	-Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày + Rửa tay, lau mặt, dọn bàn ghế chiếu , gối.. - Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao - Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi Kỹ năng sống : tự tin chốn đông người
88. Trẻ nhận biết và thể hiện Một số trạng thái cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xuang quanh : cảnh đẹp di tích lịch sử, nét văn hóa truyền thống...	- Nhận biết cảm xúc vui buồn sợ hãi ,tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt,lời nói, cử chỉ, qua tranh ảnh. - Biết biểu lộ một số cảm xúc: Vui,buồn , sợ hãi,ngạc nhiên… - Thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, kể chuyện. - Thể hiện tình cảm với chú bộ đội, cô chú công nhân, bác nông dân… - Biết một số cảnh đẹp,lễ hội quê hương đất nước.
b. Phát triển kỹ năng xã hội	
89. Trẻ thực hiên được một số quy định ở lớp và gia đình . Trẻ thực hiện một số kỹ năng giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống. (Chỉ số 70)	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Khi chơi không tranh dành đồ chơi, Sau khi chơi xếp cất đồ chơi đúng nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn vâng lời ông bà bố mẹ, cô giáo. Kỹ năng sống: không nhận quà và đi theo người lạ
90. Trẻ thực hiện được một số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.; chủ động giao tiếp chia sẻ cảm xúc , sẵn sàng giúp đỡ người khác, chơi thể hiện sự thân thiện. - Điều chỉnh cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh; (Chỉ số 20.)	- Chào hỏi lễ phép; biết nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở - Chờ đến lượt khi được nhắc nhở. - Biết trao đổi thỏa thuận với bạn. - Chú ý nghe cô nói, bạn nói, chơi với bạn - Nhận biết hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".

91. Kính yêu Bác hồ	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ,lăng Bác Hồ,Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. - Nhận ra Hình ảnh bác được đặt một số địa điểm trang trọng như Quảng trường Hồ Chí Minh, hội trường...
92. Quan tâm đến di tích lịch sử,cảnh đẹp,lễ hội của quê hương đất nước.	- Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương , đất nước.
93. Trẻ biết quan tâm đến môi trường . - Nhận biết mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên và ứng xử phù hợp. (Chỉ số 26)	**- Nhận xét tỏ thái độ với hành vi đúng sai tốt xấu đối với môi trường.** **- Kỹ năng sống** : Bỏ rác đúng nơi quy định và Phân Loại Rác **- Kỹ năng sống:** Chăm sóc bảo vệ cây, con vật quen thuộc. **- Kỹ năng sống:** Giữ gìn vệ sinh môi trường.trong gia đình , trường học và nơi công cộng
94.Trẻ có những hành vi tiết kiệm trong sinh hoạt	- Tiết kiệm điện, nước không để nước tràn khi rửa tay, tắt quạt tắt điện khi ra khỏi phòng…
95. Phản ánh với mọi người xung quanh đúng sự việc xảy ra; (Chỉ số 27).	• Trẻ biết kể lại sự việc đã xảy ra với giọng điệu, từ ngữ đơn giản. • Biết nói đúng, không thêm bớt hoặc bịa đặt. • Tập thói quen chia sẻ với cô giáo, bố mẹ hoặc người lớn khi có chuyện.
Tin học (Thực hiện trong các lĩnh vực PTNN, PTTM, PTNT)	
95.**Tin học:** Sử dụng được một số thiết bị công nghệ an toàn, đúng cách	Thực hiện đúng một số thao tác với thiết bị công nghệ quen thuộc dưới sự hướng dẫn của người lớn: bật/tắt (đúng nhu cầu), sử dụng điều khiển/chuột máy tính…
Giáo dục tăng cường	
96.**Tiếng Anh:** Trẻ phát âm và đọc từ (kèm hình ảnh) đơn giản về con vật đồ vật,màu sắc, thành viên gia đình, cô giáo, số, bảng chữ cái	Nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi trong phạm vi khoảng 150 từ, cụm từ; - Nghe số từ 1 đến 10; - Nghe và làm theo 2 đến 3 yêu cầu liên tiếp đơn giản, quen thuộc; - Nghe và trả lời bằng 1 -3 từ hoặc một số mẫu câu đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về khả năng và sở thích; - Nghe và phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc

	trả lời ngắn trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc khác; - Nghe và thực hiện hướng dẫn khi tham gia các trò chơi đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; - Nghe bài văn vần, bài thơ, bài hát đơn giản, phù hợp với lứa tuổi. - Nghe nội dung truyện tranh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi. Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc trong phạm vi khoảng 150 từ, cụm từ; - Phát âm tương đối rõ ràng các từ đơn lẻ, cụm từ và một số mẫu câu quen thuộc trong phạm vi từ vựng được làm quen; - Trả lời bằng cử chỉ, hành động, 1-3 từ hoặc một số mẫu câu đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về khả năng và sở thích; - Phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc trả lời ngắn trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc khác. - Thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt đơn giản, phù hợp với tình huống giao tiếp; - Phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc lời nói khi tham gia các trò chơi đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; - Nhắc lại một số câu vần, câu thơ đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; - Hát theo một số bài hát đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; - Trả lời câu hỏi về một số tình tiết rất đơn giản theo trình tự của truyện đã được nghe; **Làm quen với đọc** - Làm quen với 1-5 ký hiệu bằng tiếng Anh thông thường; - Xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen; - Xem truyện tranh và kể chuyện qua tranh. **Làm quen với viết** - Tập tô màu một số nét, chữ cái, từ tiếng Anh quen thuộc.
97. **Múa, nhảy:** Trẻ biết được các	- Nhảy erobich....

động tác múa nhảy, biết phối hợp với các bạn một cách nhịp nhàng để hoàn thành màn biểu diễn một cách tốt nhất.	- Múa hiện đại, dân gian.... ***Các bài học trong chương trình "Múa": Các thế tay, chân cơ bản; múa với các bài hát Các bài học trong chương trình***
98. **Võ:** Trẻ nắm được phương pháp vặn hông gác chân, các động tác đá văng chân, trung bình tấn, bước tại chỗ, tập đấm lao,Học chém lối 1, lối 2.	- Bài tập vặn hông gác chân - Học chém lối 1 - Tập đá văng chân về phía trước - Chém lối 1 kết hợp đinh tấn, trung bình tấn - Tập chém lối 2 - Luyện đi bước nhỏ tại chỗ -Tập đấm lao - Kết hợp chém lối 1 và chém lối 2 - Bài tập tổ hợp

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Hiền